

*Ghi chép và chọn lọc lại từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau. Rất cần thêm các ý kiến bổ sung.*

## **MỤC LỤC**

### **CHƯƠNG 1: PHẦN TỔNG QUÁT**

**HÌNH DẠNG TỔNG QUÁT BÀN TAY**

**MÀU BÀN TAY**

**SẮC THÁI BÀN TAY**

**KHỔ BÀN TAY**

**LÔNG BÀN TAY (POIL)**

**PHÂN LOẠI BÀN TAY**

**LÔNG BÀN TAY**

**MU BÀN TAY**

**BÀN TAY MẪU**

**MÓNG TAY**

**VÀNH TRẮNG CỦA MÓNG**

**CÁC NGÓN TAY**

**NGÓN CÁI**

**NGÓN TRỎ**

**NGÓN GIỮA**

**NGÓN ÁP ÚT**

**NGÓN ÚT**

**VÀI NGUYÊN TẮC CHÍNH YẾU**

### **CHƯƠNG 2: CÁC DẤU HIỆU THƯỜNG GẶP**

**CHẤM VÀ LỖ TRÚNG**

**CÙ LAO**

**DẤU HIỆU TAM GIÁC**

**HÌNH TRÒN**

**HÌNH VUÔNG**

**HÌNH SONG SẮT**

**CÁC DẤU HIỆU KHÁC**

**NỐT RUỒI ĐEN, TÀN NHANG TRÊN BÀN TAY**

**NỐT RUỒI SƠN**

**KHU ỐC**

**THẬP TỰ (CROIX)**

**NGÔI SAO**

### **CHƯƠNG 3: CÁC CHỈ TRÊN BÀN TAY**

**CÁC HÌNH DẠNG CHỈ**

**MÀU SẮC CHỈ**

**SINH ĐẠO**

**TÂM ĐẠO**

**TRÍ ĐẠO**

**ĐƯỜNG ĐỊNH MỆNH**

**ĐƯỜNG THÁI DƯƠNG**

**ĐƯỜNG TRỰC GIÁC**

**ĐƯỜNG HÁO SẮC**

**VÒNG KIM TINH**

**VÒNG MỘC TINH**

[ĐƯỜNG NGÂN HÀ](#)  
[ĐƯỜNG HÔN NHÂN](#)  
[ĐƯỜNG TỬ TỨC](#)  
[ĐƯỜNG DU LỊCH](#)  
[ĐƯỜNG ĐỒNG BÓNG](#)  
[ĐƯỜNG ĐAO ĐỨC](#)  
[ĐƯỜNG DANH TIẾNG](#)  
[ĐƯỜNG SINH LỰC](#)  
[ĐẠI TAM GIÁC](#)  
[TIỂU TAM GIÁC](#)  
[TỨ GIÁC DIỄN](#)  
[CÁC NGẮN TAY](#)

#### **CHƯƠNG 4: CÁC GÒ TRÊN BÀN TAY**

[GÒ THÁI DƯƠNG](#)  
[GÒ THÁI ÂM](#)  
[GÒ KIM TINH](#)  
[GÒ MỘC TINH](#)  
[GÒ THỦY TINH](#)  
[GÒ HỎA TINH](#)  
[GÒ ĐỒNG HỎA TINH](#)  
[GÒ THỔ TINH](#)

#### **CHƯƠNG 5: CÁC TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT ĐỂ ĐOÁN**

[DẤU HIỆU NGOẠI TÌNH & THÔNG GIAN](#)  
[LƯA CHỒNG](#)  
[NGƯỜI KHÔNG TRUNG TÍN](#)  
[ĐÀN BÀ GHEN VÀ NGOẠI TÌNH](#)  
[TAY ĐÀN BÀ GAT GẮM ĐÀN ÔNG.](#)  
[DẤU HIỆU LY HÔN.](#)  
[BÀN TAY NÓNG TÍNH](#)  
[BÀN TAY ĐỒNG CỐT](#)  
[CÓ CƠ HỘI XUẤT NGOẠI KHÔNG ?](#)  
[CÓ PHÁT TÀI TO, HAY TRÚNG SỐ KHÔNG ?](#)

#### **BÀI ĐỌC THAM KHẢO THÊM.**

### **CHƯƠNG 1: PHẦN TỔNG QUÁT**

#### **HÌNH DẠNG TỔNG QUÁT BÀN TAY**

- **Cân xứng** : được sự quân bình tổng quát.
- **Dài & khô**: Tính khô khan dè dặt.
- **Ngắn quá**: có nhiều tánh xấu, hạ tiện.
- **Nhiều thịt, gân guốc**: Trưởng thọ.
- **Dài**: khéo léo nhưng gian xảo.
- **Dài quá**: Tỷ mỷ, si mê, độc đoán.
- **Tay dài đụng đầu gối (?)**: có ý chí, dũng mãnh, rất thông minh, muốn chinh phục thiên hạ.

- **Dài và hẹp:** ích kỷ, sống cô đơn.
- **Bàn tay hẹp:** người yếm thế, nhút nhát, nữ: sinh đẻ khó (tương tự với lòng bàn tay nhỏ) . ngược lại: sinh đẻ dễ.
- **Trũng, dường như không có chỉ:** kém lý trí.
- **Bàn tay đẹp, ngón đều đặn:** phú quý thượng lưu.
- **Ngắn đối với thân hình:** tính tình xấu.
- **Các gò đều trũng:** ngu dốt.
- **Các gò cao quá mức:** độc đoán, kiêu căng.
- **Chần chịt:** không quân bình, không trung tính. Nhiều chỉ nhỏ chần chịt làm như bàn tay bị “nát”: hay tính toán tiền bạc ngay cả đối với chồng hay vợ, nữ: số ba đào.
- **Ít chỉ:** bình thản, giản dị, vô tư lự.
- **Nhiều chỉ đều đặn:** hạnh phúc, thích khoa học.
- **Có gút "triết lý" :** nhiều suy tư, giỏi toán pháp, khoa học, thông minh.

### **MÀU BÀN TAY**

- **Trắng:** bình tĩnh.
- **Hồng hồng:** tốt dạ có sức khỏe, cả đời sung sướng phong lưu.
- **Vàng:** nóng nảy, hay thối chí, yếm thế.
- **Đỏ:** yêu đời, trung thành, nhưng cầu thả.
- **Thật đỏ:** kém sức khỏe, làm biếng.
- **Đỏ bầm:** thiếu sinh lực, suy nhược.
- **Vàng:** nóng tính, chán đời, thường là tay nghệ sĩ.
- **Vàng đậm:** hay sầu hận, hung tợn.
- **Vàng xanh, hay xanh chanh:** dữ tợn, thâm hiểm.
- **Nâu đen:** yếu gan, háo danh, ham chinh phục, cấp chỉ huy độc đoán, bi quan, có dục vọng thấp hèn.

### **SẮC THÁI BÀN TAY**

- **Uớt , mềm:** ham khoái lạc, ưa hào nhoáng vật chất, dễ bị cảm xúc, nhát, không chủ định, ưa an phận, mê tín, bướng bỉnh.
- **Khô cứng:** lạnh lùng, thờ ơ, ích kỷ, trầm lặng, giàu tâm linh.
- **Ấm:** khoan dung, hòa nhã, ham nói, có thể tự kiêu nếu có dấu hiệu xấu. (nữ: chọc trời khuấy nước)
- **Nóng:** phòng bệnh gan.
- **Lạnh:** nhiều tật xấu nhưng biết giữa kín, trung thành, biết hy sinh nhưng nhẹ dạ. Dễ xúc động (vẫn tốt hơn bàn tay uớt), phòng bệnh tim.
- **Cứng:** thích hoạt động, gan dạ, có thể liều lĩnh, chịu được khổ hạnh, không bị chuyện ái tình làm lung lạc.
- **Thật cứng:** chậm hiểu, ngu dốt.
- **Mềm:** thông minh, văn sĩ, giàu tưởng tượng, phong lưu. Có thể ưa đơn độc, ưa ái tình, dễ có nhiều may mắn về tình và tiền.
- **Thật mềm:** càng có nhiều mơ mộng, làm biếng.

- **Đầy thịt:** an nhàn, hưởng lộc.
- **Mập & đầy:** Nhiều dâm tính.
- **Đầy:** phóng túng, lười và tham lam, tính cương quyết, thành công trong buôn bán.
- **Mỏng:** vất vả, luôn lo lắng vì sinh kế.
- **Gầy:** thiếu khả năng vật chất, thiên về tinh thần. Có thể tự phụ, bủn xỉn, ghen tỵ nhưng biết kiên nhẫn, kín đáo. Nếu bàn tay gầy mà không khuyết: cũng có nhiều cơ hội đưa đến thành công.
- **Khuyết:** (lòng bàn tay lõm) tranh đấu suốt đời nhưng khó thành công, phòng bị quỵt nợ, nếu xuất thân từ giàu có: phá của. Nếu có nhiều chỉ xấu: nghèo khổ, phòng bệnh phổi.

### **KHỔ BÀN TAY**

- **Thân nhỏ bàn tay to:** ít nói kín đáo, tỉ mỉ, có thể ít kỷ, hẹp hòi.
- **Thân to bàn tay nhỏ:** đa cảm, vui vẻ, mau hiểu, nóng nảy, thiếu bình tĩnh, hay chê bai người.
- **Bàn tay mềm:** sung sướng phong lưu, nhưng thích nhàn lười biếng.
- Bàn tay **cứng:** kém phong lưu, chăm chỉ, chịu được khổ hạnh.
- Bàn tay **dài:** dẫn đo suy nghĩ, nhút nhát, tưởng tượng, nhưng bền chí.
- Bàn tay **ngắn:** lạnh lẽo, hoạt động nhưng thiếu phương pháp.
- Bàn tay **quá ngắn:** không suy nghĩ, thiếu thủy chung, không bền chí, ưa bạo động.
- Bàn tay **quá rộng,** không gò, ngón cái to: độc ác dã man.

*Đàn bà bàn tay đều không dài không ngắn là quý.*

### **LÔNG BÀN TAY (POIL)**

Đàn ông thân thể không có lông, râu: bần tiện tính phụ nữ.

- **Tay nhiều lông:** hèn hạ, có thú tính.
- **Nhiều lông trên lưng bàn tay:** tính không quân bình, có thể không kỷ luật.
- **Lông trên lòng bàn tay:** quý tướng, thông minh, có sức khoẻ.
- **Lông ở lòng tay thứ 2, 3:** bảm tính tốt.

*Người có nhiều lông: nhiều sức mạnh, nhiều tình dục.*

### **PHÂN LOẠI BÀN TAY.**

Cách tốt nhất phân loại theo khoa chiêm tinh (7 vì tinh tú) , có 7 gò chính.

#### **I. Bàn tay Kim tinh:**

- **Mẫu người:** nhỏ, tròn trịa, đầy đặn, tóc hoe và dợn, da trắng, duyên dáng và đẹp. Mặt tròn, mày rậm vòng nguyệt, mắt vui tươi, mướt ướt, dễ mến và đa tình. Miệng vừa vặn, răng nhỏ đều, môi dưới đầy, nhiều râu, má lúm đồng tiền. **Ngón tay ngắn, búp măng.** Tướng đi đẹp. Giọng êm ái. **Gó Kim tinh rộng, bầu ra. Ngón cái ngắn. Đầu ngón như giọt thịt (---> sự khoái lạc) Không có gút trên đầu ngón tay.**
- **Tính tình:** hiền, tình cảm nồng nhiệt, thích nhục dục. Dễ bị mua chuộc. Chung thủy trong đường chồng vợ. Yêu đời.

#### **II. Bàn tay Mộc tinh:**

- **Mẫu người:** vóc trung bình , không ốm, không mập, người cứng chắc, lâu già. Tóc râu nhiều, chơn mày cong, lông mi dài như tơ. Mắt tròn to, ướt vui vẻ, tia mắt sắc bén. Miệng rộng, môi trên

dày hơn môi dưới. Răng cửa thưa và lớn, mình nhiều lông, sớm trở nên béo phì. Sói đầu sớm.  
**Ngón trở dài hơn áp út. Gò Mộc tinh cao hơn các gò khác, thường có chủ thập hay ngôi sao.**

- Tính tình: thông minh, hiền hậu, háo danh, chuyên chế, ham uy quyền, có khả năng thuyết phục người giúp việc, xả giao rộng, hiếu khách, nặng tình gia đình, săn sóc vợ con chu đáo, thích ăn ngon và háo sắc. Nóng tính, thích tôn giáo, có địa vị trong xã hội.

### **III. Bàn tay Thủy tinh:**

- Mẩu người: nhỏ, ốm yếu, không đẹp. Đầu nhọn, trán trợt, tóc cao. Mắt dài, Mắt sâu nhỏ, mày cong. **Ngón út thật to, lông chót mập.** Môi mỏng, miệng có khoé, cổ ngắn. Cằm dài và nhọn.  
**Gò Kim tinh nảy nở, khum ra bìa bàn tay.**
- Tính tình: hoạt động, hoạt bát, lúc nói hay múa tay chân, vui tính. Tinh khôn trong giao tế, có thể bất lương khét tiếng. Khéo léo về thủ công máy móc. Có khiếu về kịch, y khoa. Thông minh, giàu trực giác, đoán được ý nghĩ người khác. Ua khoa học huyền bí. Buôn bán giỏi, nhưng gian ngoan. Hôn nhân tốt.

### **IV. Bàn tay Hỏa tinh:**

- Mẩu người: vóc trung bình hay trên trung bình, cường tráng, bắp thịt cứng chắc. Mặt tròn, mắt nhỏ sắc bén. Mày rậm, tóc dài, cứng, nhiều. Trán thấp, tai nhỏ và vảnh. Mũi quặp, miệng rộng, răng to. Tiếng nói rồn rảng. **Bàn tay dài vun thịt, ngón ngắn, chỉ rộng, giản dị. Ngón út ngắn, ngón trở đặc biệt cứng. Gò hỏa tinh nổi cao. Trí đạo và Sinh đạo cách khoản nhau.**
- Tính tình: khí phách, thích vũ khí, can đảm, ít được ưa thích, lỗ mảng nhưng trung thực. Trọng phái yếu, nhưng rất ít được yêu. Đời sống nhiều nguy hiểm.

### **V. Bàn tay Thổ tinh:**

- Mẩu người: vóc người cao & ốm. Tóc nhiều và to sợi. Tai to. Trán lớn có nhiều lớp nhăn. Mũi nhỏ gần như xẹp. Mắt sâu và rất gần nhau. Mày đen thẳng và gần nhau nhưng không dính lại. Có trái cổ to. Miệng rộng, răng thô. **Ngón giữa nảy nở quá mức, các gò trên tay đều hẹp và có gạch ngang.**
- Tính tình: Gặp khó khăn trong các lĩnh vực, gặp lăm tay họa, nhưng có can đảm chịu đựng. Người buồn bã, thích cô đơn, ẩn dật. Siêng năng, giỏi toán, rất có ích cho xã hội vì những phát minh. Không nghĩ tư lợi.

### **VI. Bàn tay Thái dương:**

- Mẩu người: sắc thái sáng tỏ, hớn hở vui tươi. Vóc trung bình, đẹp trai. Trán vồ, rộng. Mắt to sáng có vết nhăn. Chơn mày vòng nguyệt. Mũi thẳng. Tai sát vào đầu. Răng đều, tóc ít. Tiếng thanh tao. Tướng sang trọng. Ngón áp cao hơn ngón trở. **Gò Thái dương cao rộng.**
- Tính tình: Thông minh, óc mỹ thuật, Lễ độ và rộng rãi, hoạt bát, hạnh phúc trong đời, gặp nhiều thành công trong kinh doanh, nhưng gia đình không mấy hạnh phúc, thường hay ly dị.

### **VII. Bàn tay Thái âm:**

- Mẩu người: to lớn, gân guốc. Thân thể ít lông, trán bằng, tai sát đầu, mặt tròn, mắt lồi, mũi hẹp, miệng nhỏ, môi dày, răng to và hay hư, cằm nhọn. **Ngón tay mũi viết, dường như tay hay làm biếng. Gò Thái âm rộng, có gạch ngả qua bìa tay.**
- Tính tình: đàng trí, mơ mộng, thích du lịch, hay nghỉ vắng vợ, có linh tính, có óc sáng tác, tư tưởng kỳ quái.

## LÒNG BÀN TAY

Chạy từ cườm tay tới chân ngón giữa. (coi thêm phần gò [Đồng Hỏa tinh](#))

- **Láng & mềm:** thuộc Thái âm. - **Mập, đẹp, có lỗ nhỏ:** Kim tinh.
- **To lớn:** Mộc tinh. - **Cứng & đỏ:** Hỏa tinh.
- **Ốm & tối:** Thổ tinh. - **Mềm & hơi vàng:** Thủy tinh.
- **Thật mềm, thật nhỏ và mỏng:** thiếu sinh lực, suy nhược và mơ mộng xa vời.
- **Đẹp & nhẵn:** Thái dương.
- **Có nhiều chỉ gò nổi cao:** hay lo nghĩ, suy tính.
- **Trũng** (*paume creuse*): điềm xấu, thiếu can trường tranh đấu, thiếu kiên nhẫn, khó thắng vận thời. Cho vay thường bị giựt.
- **Phẳng lỳ, không có gì nổi rõ:** dửng dưng, thiếu sức khỏe.
- **Rộng:** có óc phân tích tỉ mỉ.
- **Rộng, bằng phẳng:** óc cầu tiến, tìm tòi.
- **Nhỏ hẹp:** óc tính toán, tế nhị.
- **Dài:** (*dài hơn ngón giữa*): thông minh, ít nghĩ đến chi tiết, chỉ nghĩ đến việc lớn lao.
- **Nhỏ:** (*vắn hơn ngón giữa*) tế nhị, khéo léo, có trực giác, giàu lý trí, ưa lý sự.
- **Lòng bàn tay và ngón giữa bằng nhau:** tính quân bình, sáng suốt, thông minh, công bình.
- **Lòng bàn tay dài hơn ngón giữa:** thông minh, không để ý những chi tiết nhỏ nhặt.
- **Sắc ấm:** nóng tính, hay gắt gỏng.
- **Sắc lạnh:** tình duyên trắc trở.
- **Sắc khô:** thần kinh dao động.
- **Màu đỏ, nóng và khô:** yếu tim.
- **Trơn ướt:** hay thương vay khóc mướn.
- **Vừa nóng vừa ướt:** yếu bộ hô hấp.
- **Lạnh:** yếu tim.
- **Nóng:** coi chừng gan, cơ thể bị chứng nhiệt.
- **Uớt mồ hôi:** thê thấp, ưa an nhàn, nhạy cảm, hay xúc động.

## MU BÀN TAY

- **Đầy, bao đầy thịt:** ưa ăn ngon, tiện nghi vật chất.
- **Lép:** ghen, hà tiện.
- **Vung thịt, ngón tay lại ngắn:** kém trí óc.
- **Thịt cứng:** hoạt động, có sức chịu đựng, siêng năng.
- **Mềm:** thiếu sinh lực, lười và hay mơ mộng viễn vông.
- **Không cứng không mềm:** ưa tiện nghi nhưng không lười biếng.

## BÀN TAY MẪU

4 loại căn bản:

1. **Mũi viết:** mơ mộng thi sĩ, bàn tay lý tưởng nhưng có tâm hồn yếu đuối, ít hoạt động, ưa dục lạc.
2. **Vuông:** trầm tĩnh, suy tư, đúng đắn. Cấp chỉ huy tốt.
3. **Hình nón:** (conique) có trực giác, nhà hiền triết, đúng đắn, ưa kỷ luật.

4. **Bề bề:** ưa tự do, thích phiêu lưu. Có óc tự lập, cách mạng.

### **MÓNG TAY**

- **Cứng:** có sức chịu đựng, nóng tính.
- **Cứng & hay gãy:** sức khoẻ & trí thông minh kém.
- **Mềm** (có thể thêm mỏng): hiền hậu, hay uể oải, sức khoẻ kém, thiếu chất vôi, có thể tiểu đường.
- **Mỏng manh:** kém nghị lực.
- **Đầy, vòng lên:** hướng nội, cần cỗi.
- **Nổi vòng theo chiều dài:** thận yếu.
- **Vung lên:** khí quản nở.
- **Khởi lên từ sau tới trước:** gan yếu.
- **Khum:** tế nhị, ưa thâm mỹ.
- **Bằng:** lao lực, tối dạ.
- **Cong quắp như móng chim:** tham, ghen tỵ, ích kỷ.
- **Xấu và đục như dơ dáy, cứng, hơi đầy, bề ngang rộng, chân ngắn:** gian xảo, hay nghi kỵ.
- **Cùn mẫn, xấu:** sức khoẻ kém, nóng tính.
- **Bóng láng:** tính tao nhã.
- **Quá bóng:** nhạy cảm, bất an.
- **Móng quặp:** thích tình dục, hung tợn, yếu phổi.
- **Đẹp (phẳng):** nhát, yếu tinh thần.
- **Đẹp mềm:** nữ: đau buồn trứng.
- **Đẹp tròn:** lá lách yếu.
- **Dài:** tốt bụng, rộng lượng, thật thà, nhưng hay khinh đời, phòng bị gạt vì cả tin.
- **Dài** (>1/2 chiều dài móng có móng): tình cảm sắc sảo, kín đáo, hiền, khôn ngoan có sức khoẻ, cương quyết, sáng suốt, ưa chỉ huy, nếu lại rộng: bớt các tính trên, thiên sang thực tế, biết liêm sỉ.
- **Quá dài:** suy nhược, hô hấp yếu.
- **Dài hẹp:** suy nhược.
- **Dài rộng:** tiềm lực dồi dào.
- **Ngắn:** hay tranh luận, ưa bút chiến, chỉ huy, có kỷ luật, công chức gương mẫu. Tim yếu, có thể hay bị động kinh.
- **Ngắn:** tử mỹ, hà tiện, kém thông minh, hay ngạo nghễ. (nữ: nếu có thêm Tâm đạo rõ: tính khó, chồng con không ai chịu nổi), bối lông tìm vết. Móng ngắn mà phía dưới tròn: có chút lòng nhân; nếu phía dưới vuông: có tính sâu độc.
- **Rất ngắn và rất nhỏ:** hẹp hòi, tự đắc, ghen tỵ.
- **Ngắn và hẹp:** bụng hẹp hòi.
- **Móng ngón cái ngắn hơn 1/2 móng ngón cái:** tính ưa cần nhàn, khó khăn, nhỏ mọn. Nếu ngón cái lớn: có lòng nhân nhưng vẫn có tính cần nhàn, khó khăn.
- **Rộng:** cau có.
- **Bao đầy thịt:** thích vui vật chất.

- **Tròn như mặt đồng hồ:** người nguy hiểm nên xa lánh, khó tránh đau phổi.
- **Có vết trắng:** nóng tính, có may mắn.
- **Vết đen:** điềm bất tường.
- **Màu tái:** lưỡi biếng.
- **Đỏ hay đỏ hồng:** nóng, hăng hái.
- **Hồng, láng bóng:** hăng hái.
- **Màu sậm:** móng lại hay gãy, mỏng, lỏng ngấn: đa nghi, ganh tỵ.
- **Xám lợt:** tham và lười.
- **Trắng:** ích kỷ.
- **Tím:** bị ngộ độc hay bị táo bón.
- **Điểm trắng hồng** là xấu.
- **Xanh bầm, xám nhạt:** bạc nhược, thờ ơ.
- **Xanh xám:** yếu đuối.
- **Vết đen:** vận rủi
- **Nổi hột gạo:** vận may (trong thời kỳ có hột gạo) nhưng cơ thể thiếu bồi bổ.
- **Nổi hột cườm (?) trắng:** ở cuối móng: có việc xảy ra trong vòng 2,3 tháng; ở giữa móng: việc sắp xảy ra; ở đầu móng: việc đã qua.
- **Hột cườm trên ngón cái:** có người cho quà.
- **Hột cườm trên ngón trỏ:** có chuyện vui.
- **Hột cườm trên ngón giữa:** chuyện buồn.
- **Hột cườm trên ngón áp:** có chuyện tình cảm.
- **Hột cườm trên ngón út:** có cơ hội đi du lịch.
- **Hình chữ nhật:** công bằng, liêm khiết, thực tế, có lương tri. Nếu dài và rộng: nhát, phản ứng chậm.
- **Hình trái soan và dài:** phong lưu, quý cách, đa cảm, quảng đại, tế nhị, thông minh. Nếu hẹp tương xứng quá mức thành không tương.
- **Hình thang** (phía dưới rộng): tưởng tượng quá độ, hoang đường. Nếu phía dưới hẹp: kín đáo, dè dặt, tự trọng, đức độ, cứng cỏi. (có sách nói: hình thang: vui tính)
- **Hình tam giác:** nóng nảy, hay gây gổ và cố chấp. (có sách nói: vui tính), nếu lõm xuống: bị xúc động thần kinh.
- **Hình ô liu:** tim yếu.

### VÀNH TRẮNG CỦA MÓNG

Có 5 vành trắng ở 5 ngón: sức khoẻ tốt, càng ít vành trắng đó: sức khoẻ kém dần. Không có vành trắng: bạc nhược, sức khoẻ kém.

### CÁC NGÓN TAY

- **Dài:** dài bằng lòng bàn tay: trí thức, khôn ngoan, có óc phân tích, dễ cảm động, nóng tính. Tay nhà cai trị giỏi, giám đốc...
- **Dài hơn lòng bàn tay:** trí tuệ, óc nghệ sĩ, kiên nhẫn, tử mỹ, kín đáo, nhút nhát.
- **Ngắn hơn lòng bàn tay:** ưa dục lạc, thô lỗ, tính thấp hèn, nóng, ít suy nghĩ.



- **Ngón trỏ trư:** hành động theo linh cảm, hứng thú, nhạy cảm, nghệ sĩ tính. Tính toán mau (trẻ con thường có ngón này nên phải chờ khi lớn, bàn tay phát triển ổn định mới có thể biết là loại ngón nào).
- **Ngón có gút:** hành động cân nhắc. Có gút gần móng tay: hay hoài nghi và tìm nguyên nhân sự việc, nếu gút này to: ưa tìm hiểu, ưa tranh luận, hay tự mãn nếu hạ được người đối thoại. Có gút gần lòng bàn tay: kỹ lưỡng, trật tự, hay cân nhắc, có trật tự bản thân, nếu gút này to: ưa hoạt động thương mại.
- **Quá dịu:** tính yếu ớt, nhiều tình cảm.
- **Dễ uốn:** tính dễ thích nghi, hay đổi ý, hào phóng.
- **Quá cứng:** độc đoán, thiếu kiến, hẹp hòi, hay nghi ngờ.
- **Các ngón hở:** kém thông minh, ích kỷ.
- **Các ngón kín:** tính cẩn thận, lý luận, cần kiệm.
- **Các ngón hở ở chân, kín phía trên:** hào phóng (tình cảm hay tiền bạc hay tư tưởng), không kín đáo, có óc tự do. (trường hợp ngón tay không gò, thấy lỗ hở dù có hay không gút: nghèo, thậm chí vất vả mới đủ ăn).
- **Cong queo ngón trỏ:** bệnh liên quan về gan.
- **Cong queo ngón giữa:** bệnh ở liên quan đến ruột tỳ, tai, gân cốt.
- **Cong queo ngón áp:** bệnh liên quan hệ thần kinh, tim, thận, mắt.
- **Cong queo ngón út:** bệnh liên quan bộ phận sinh dục, bài tiết, hay hệ thần kinh.
- **Các ngón cong queo:** thiếu ngay thẳng, hay lầm lạc.
- **Ngón trỏ méo:** hành động bất chấp luân lý và trật tự xã hội.
- **Ngón giữa méo:** câu chấp, độc tài, thiếu tình cảm.
- **Ngón áp méo và cong vữa:** rộng rãi, cong quá là thiếu lương tâm.
- **Ngón út cong queo ít:** khéo léo trong nghề, cong nhiều: bất lương, gian dối.

### **NGÓN TAY NGHIÊNG**

- **Ngón giữa thẳng,** các ngón khác nghiêng vào đó: vô tâm, bi quan.
- **Ngón trỏ thẳng,** các ngón khác nghiêng vào đó: thực tế.
- **Ngón áp thẳng,** các ngón khác nghiêng vào đó: óc nghệ sĩ.
- **Ngón út thẳng,** các ngón khác nghiêng vào đó: tài hoa, khéo léo.

### **BÀN TAY XOÈ RA**

- **Ngón trỏ và ngón giữa xa nhau:** có tư tưởng riêng và không phụ thuộc vào tư tưởng khác.
- **Ngón áp và ngón út xa nhau:** hành động tự do không chịu lệ thuộc, có óc châm biếm, định liệu mau.
- **Ngón giữa và ngón áp xa nhau:** hiếu kỳ, ưa nguy hiểm, không cần theo thị hiếu.
- **Ngón cái và ngón trỏ xa nhau:** khoảng 60 độ: tính tự do độc lập, rộng rãi, khoan dung; nếu rộng hơn 60 độ: quá tự do, bất chấp tục lệ, xa hoa.
- **Góc giữa các ngón quá hẹp:** sợ dư luận, lệ thuộc tập tục, hà tiện.
- **Nếu ngón cái như quắp sát lấy ngón trỏ:** hà tiện, tham lam.

## LOẠI NGÓN TAY

### **Đầu ngón hình nón (conique):**

- Dài: thông minh, trí tuệ, nghệ sĩ, hiền triết, có Trực giác, thích tôn giáo.
- Ngắn: thông minh nhưng phục vụ vật chất, ít ngay thật.

**Đầu ngón vuông:** có óc trật tự, thực tế, có ý chí, độc đoán, tự tin nhưng công bằng, tôn trọng ý người khác.

- Dài: chỉ huy giỏi.
- Ngắn: thông minh, siêng năng.

### **Đầu ngón bè bè:**

- Dài: vượt được khó để thành công.
- Ngắn: cùng cực, kém trí tuệ, gặp nhiều thất vọng, đau buồn.

### **Đầu ngón nhọn:**

- Các ngón đều nhọn: giàu tưởng tượng, xa hoa, nhiều tình cảm, tính yếu ớt, hay mơ tưởng mỗi tình lý tưởng, kém thành thật, trực giác nhạy, nghệ sĩ tính, ưa dị đoan, tôn giáo, thiếu thực tế.

### **Đầu ngón to:**

- Ưu hoạt động thể xác, tực đặc, nóng nảy, thực tế. Nếu là bàn tay mềm: hoạt động phần mọng, thiếu thực tế.

## NGÓN CÁI

*Lóng có móng (1): tượng trưng ý chí.*

*Lóng giữa (2) : tượng trưng lý trí.*

*Lóng cuối (3): tượng trưng tình dục.*

*Chiều dài lóng 1+2 nếu ngắn hơn lóng 3: bị tình dục sai khiến, chế ngự lý chí và lý trí.*

Xếp theo chiều dài ngón trở (về phía trong lòng bàn tay):

- Ngón cái lớn có thể làm gia tăng hay phô trương tính tốt của các ngón khác, hay cứu vãn một phần tính xấu của ngón khác.
- Nếu dài hơn lóng 2 của ngón trở: thông minh, tự phụ, độc tài (nữ: lấn quyền chồng, dù chồng có ngón cái dài).
- Vừa đung lóng 2 ngón trở: thông minh, nhân ái, cương quyết, nhiều suy tư.
- Ngắn hơn rõ rệt: dễ bị lừa, yếu tính, chạy theo dục vọng, nữ: dễ bị dụ dỗ.
- Mỏng: sinh hoạt yếu.
- Mập: cường tráng.
- Gầy: cơ năng suy nhược.
- Dài, rộng: can đảm, cứng đầu, kiêu ngạo.
- Ngón cái thật cong về sau: hiền hậu, trung thực. Cong quá mức: lối bịch.
- Ngắn, gò Kim tinh nảy nở: trụy lạc.
- Quá dẹt mềm, bề bề dẹt ra sau: hèn nhát, khiếm nhược (người giúp việc nên có ngón cái ngắn)
- Dầy: thô bạo.
- Nhọn: tính thi sĩ, biết chế ngự thói xấu.
- Rộng và bè bè: nhiều tật xấu.
- **Lóng 1** (lóng có móng) dài hơn lóng 2: ý chí mạnh, ngược lại: thiếu tinh thần, không cương quyết và thiếu nghị lực, không tự tin, dễ nghe người khác.

- Lóng 1 đầy, to lớn: tào bạo, dễ gây sự với người khác.
- Lóng 1 tròn như viên đạn: thô bỉ, nóng nảy, có thể sát nhân.
- Lóng 1 rất dài: ưa chỉ huy, chế ngự con tim, ưa tàn bạo.
- Lóng 1 ngắn: thiết ý chí, thiếu tự tin, thụ động.
- Lóng 1 thật ngắn: vô tư, không tự chủ.
- Lóng 1 rộng: tự mãn, ưa chỉ trích và bướng bỉnh.
- Lóng 1 hình cái bay, nhọn ở đầu: hay gây gỗ, hung bạo, có thể mất tự chủ khi giận.
- Lóng 1 hình nón: đa cảm, có khiếu về nghệ thuật.
- Lóng 1 hình vuông: trầm tĩnh, óc thực tế, có khiếu suy luận.
- **Lóng 2 mỏng**: khôn ngoan, nhân cách cao quý, tính yếu.
- Lóng 2 dài, mạnh: công bình, sáng trí, óc suy luận, thiếu cương quyết. Dễ thành công.
- Lóng 2 ngắn: bi chi phối bởi kẻ khác, thiếu tự tin nên lằm lẩn.
- Lóng 2 thon: thông minh, óc xét đoán cẩn thận.
- Gạch ngang trên lóng 2: có tai nạn (tham khảo nơi chỉ)
- Thập tự ngoài ngón cái: gặp hôn nhân giàu có.
- (\*) ngoài ngón cái: gìn giữ sự trinh bạch trọn đời.
- (+) ở lóng 1: tai nạn tai, mặt.

## NGÓN TRỎ

*Lóng có móng (lóng 1): tôn giáo.*

*Lóng 2: tham vọng.*

*Lóng 3: nhục dục.*

- Thật dài: thích quyền lực, kiêu căng, thích chinh phục kẻ khác.
- Ngắn: dằn, thiếu nhân cách, kẻ sát nhân hay quá khiêm nhường.
- Mỏng và gầy: (dù ngón trỏ có dài chẳng nữa) mơ ước chỉ huy nhưng bao giờ thành tựu.
- Cong như cái móc: ích kỷ, thiếu thận trọng.
- Cứng: tàn bạo, chuyên chế.
- Đầu ngón vuông: quyền lực + trật tự.
- Đầu ngón thon nhọn, nếu ngón dày đặn: tính hòa hoãn, thích an nhàn. Nếu đầu ngón vuông: thực tế, hoạt động, vui tính. Nếu đầu ngón bè bè: trí lực yếu và mê tín.
- Đầu ngón tròn, đều đặn: có tư cách.
- Đầu ngón nhọn: quyền lực lý tưởng.
- Đầu ngón bè bè: giảm tính tốt gò Mộc tính.
- Đầu ngón đầy: nhiều dục tính.
- Đầu ngón mỏng mảnh: kín đáo, nghiêm nghị.
- Đường hường thượng lên các lóng tay: tốt, thuận lợi cho thành công.
- Lóng thứ 3 (sát bàn tay) có (+) hay (\*): có sự xúc phạm thuần phong mỹ tục.
- Lóng thứ 3 có lằn ngang: can tội nặng (tham khảo thêm các chỉ khác).
- Vòng Salomon do Tâm đạo quấn quanh ngón trỏ: tài tiên tri, có khiếu khoa học huyền bí, có linh tính.
- Ngón trỏ dài hơn ngón áp; có may mắn về vật chất, ưa khoái lạc, cao vọng, tự ái, ưa chỉ huy, độc đoán.

- Lóng 1 dài: óc tôn giáo, đa sầu, đa cảm, thường là nghệ sĩ.
- Lóng 1 ngắn: đa nghi, vội vàng, thiếu xét đoán.
- Lóng 1 hình nón: ưa đọc sách.
- Lóng 1 vuông: tôn trọng sự thật, khoan dung.
- Lóng 1 mập: chú trọng khoái lạc thể chất.
- Lóng 1 rộng, móng cong: dấu hiệu đau phổi.
- Lóng 2 dài: mục đích cao, quyết thỏa mãn tham vọng.
- Lóng 2 ngắn: ít nghị lực.
- Lóng 2 mập và đầy: ưa yên thân trong hạnh phúc.
- Lóng 2 khô: có tham vọng về danh dự hơn vật chất.
- Lóng 3 dài: mơ ước sự thống trị.
- Lóng 3 ngắn: lãnh đạm, nghèo khổ.
- Lóng 3 mập: ham ăn, ưa tiện nghi vật chất và khoái lạc.
- Lóng 3 khô: coi thường lạc thú cuộc sống.

## NGÓN GIỮA

*Lóng có móng (lóng 1): hoài nghi*

*Lóng 2: khoa học.*

*Lóng 3: tập trung.*

- Ngắn: tự tin, có thể “thắng thiên”.
- Ngắn, mỏng: thiếu chủ định, nông nổi.
- Dài (cao hơn 2 ngón 2 bên khoảng  $>1/2$  đốt lóng 1) : nghiêm nghị, an phận nhưng cũng có thể có tính trào lộng 1 cách tế nhị.
- Nhọn: vô tư lự, có thể cao thượng.
- Vuông: thức thời, có nghị lực, hiểu Định mệnh.
- Bè bè: chán đời, nghĩ đến cái chết.
- Đường hường thượng trên lóng tay: tốt cho sự thành công.
- Đường ngang: có tai nạn + ý niệm tự sát.
- Nghiêng qua ngón trỏ: thích khoái lạc vật chất.
- Nghiêng qua ngón áp: thích nghệ thuật.
- Lóng 1 dài: dị đoan, âu lo, nhưng có can đảm trong việc làm, cẩn thận và bền chí.
- Lóng 1 ngắn: chịu đựng mọi hoàn cảnh.
- Lóng 1 nhọn: vô tư, không phản ứng.
- Lóng 1 hình cái bay: không ưa giao thiệp, bi quan, luôn ám ảnh về chết chóc.
- Lóng 1 có (+) hay (\*): đời sống ly kỳ, phi thường.
- Lóng 1 dài và thon: nhẫn nại, can đảm, thành thật.
- Lóng 2 dài: ưa nghề nông, nếu có ngón tròn: ưa khoa học huyền bí.
- Lóng 2 ngắn: không nhẫn nại, khó thành công.

- Lóng 3 dài: hà tiện.
- Lóng 3 ngắn: cần kiệm như thiếu tổ chức.
- Lóng 3 dài và ốm: bạc phước.
- Lóng 3 có chỉ hình bán nguyệt: phòng bệnh phong tình.

## NGÓN ÁP ÚT

*Lóng có móng (lóng 1): Mỹ thuật*

*Lóng 2: phê bình.*

*Lóng 3: khoe khoang.*

- Ngắn: không khoe khoang, tranh đua, không óc thẩm mỹ, cô độc.
  - Dài: có lý tưởng, có cá tính nghệ sĩ.
  - Thật dài (cao hơn ngón trỏ) và có gút: ưa cờ bạc (cũng là bàn tay nghệ sĩ gặt hái nhiều thành công), hay tò mò, tự tin, tự đề cao để lấn áp người khác.
  - Đầu ngón cong mảnh khảnh: ưa thẩm mỹ, có năng khiếu nghệ thuật.
  - Nhọn: xa xỉ, ham cờ bạc.
  - Vuông: sành tâm lý, thực tế, kiên quyết.
  - Bè bè: ưa kịch nghệ, khiêu vũ, thể thao, giàu nghị lực hoạt động.
  - Đường ngang trên lóng tay: hay gặp khó khăn.
  - Đường hướng thượng trên lóng: tình cảm tốt, thuận lợi.
  - Dài hơn ngón trỏ: thông minh, gặp nhiều may mắn vật chất.
  - Quá dài: nửa ưa bài bạc, ham tiền, ham nổi bật trên mọi phương diện.
- 
- Lóng 1 dài: ưa nghệ thuật.
  - Lóng 1 thật dài: khó hiểu, kỳ quặc.
  - Lóng 1 ngắn: tính đơn giản, ít đua đòi; ngược lại : ưa cầu kỳ, thậm chí kiểu cách ngoài khả năng của mình.
  - Lóng 1 đầy: ưa nghệ thuật trong khoái lạc hình thể vật chất như điêu khắc, họa sĩ.
  - Đầu lóng 1 tròn: hoạt bát, dễ mến nhưng có lúc thiếu cẩn.
- 
- Lóng 2 dài: ước vọng mong đạt tới mục đích, có khiếu về sáng tác nghệ thuật, có thể nổi danh, nếu quá dài: tính kỳ quặc.
  - Lóng 2 ngắn: yếm thế, muốn vươn lên nhưng đầy lo ngại.
  - Lóng 2 mập: không có khiếu trong mỹ thuật.
  - Lóng 2 có hình tròn: sẽ bị loạn trí (?).
- 
- Lóng 3 dài: Ưa đòi hỏi cùng với sự khoe khoang.
  - Lóng 3 ngắn: hay thất bại.
  - Lóng 3 mập: sung túc.
  - Lóng 3 ốm: chấp nhận sự mạng, ít bận tâm tới tiền hay nghèo giàu.

## NGÓN ÚT

*Lóng có móng (lóng 1): hoạt bát*

*Lóng 2: óc kỹ nghệ*

*Lóng 3: mưu kế.*

- Dài: bất thiệp, khéo léo, khôn, thành công trong đời, nhiều người mến.
  - Ngắn: vụng, thành thực, kín đáo, tốt với bạn bè, có tính vị nể, quyết định mau.
  - Quá ngắn: hay nghe theo lời quyến rũ, nóng nảy, khi giận không nể ai.
  - Cong như cái móc: tự kỷ, thiếu thận trọng.
  - Nhọn: xảo quyết. (theo J.Ronald: có thể mơ mộng, ảo tưởng)
  - Tròn: nhiều tài năng khéo léo.
  - Vuông: óc tổ chức, sành tâm lý, tốt bụng.
  - Bè bè: tà tâm.
  - Quá dẻo, mềm: có khuynh hướng bất lương nể thiên về vật chất; nếu sống về tinh thần: văn sĩ, ham sách vở, có tài biện luận.
  - Nghiêng về ngón áp: có khiếu mỹ thuật, trang trí, xã giao giỏi.
  - Đường ngang trên lóng: gặp khó khăn.
  - Đường hướng thượng: tình cảm tốt, thuận lợi.
  - Có chỉ hình nhánh nạng: nói năng khó khăn, cà lăm.
- 
- Lóng 1 dài: có tài hùng biện, ưa học hỏi, biết cách sắp đặt.
  - Lóng 1 ngắn: ít sáng kiến, thất bại trong việc làm.
  - Lóng 1 đầy: tính ưa thay đổi, ưa làm ra tiền.
  - Lóng 1 mảnh mai: mưu tính, xảo quyết, thật gầy: sức khoẻ kém.
  - Lóng 1 có (+): hùng biện. Có 2(+): đại phú.
- 
- Lóng 2 dài: có khiếu kinh doanh, luôn nghĩ đến kiếm lợi.
  - Lóng 2 ngắn: thiếu khả năng trong việc kinh doanh, nhưng thích hợp ở chốn quan trường.
- 
- Lóng 3 dài: hùng biện, mưu kế, thậm chí xảo quyết và nguy hiểm nếu có thêm dấu hiệu xấu.
  - Lóng 3 ngắn: thất bại.
  - Lóng 3 mập: ưa ăn chơi, phóng đãng.
  - Lóng 3 ốm: không tình cảm, ích kỷ, nhỏ mọn.
  - 3 lằn ngang trên lóng 3: gian trá, có khi sát nhân.

## VÀI NGUYÊN TẮC CHÍNH YẾU

Muốn hiểu rõ ngón tay : chú trọng đến gò nổi dưới ngón.

- Ngón dài : ảnh hưởng của gò nhiều.
- Ngón bè bè : tăng thái quá ảnh hưởng của gò.
- Ngón vuông : hạn chế ảnh hưởng của gò.
- Ngón nhọn : làm nhẹ bớt và lý tưởng hóa ảnh hưởng của gò.

Mỗi ngón có 2 loại gút :

- 1- Triết lý : thích tranh luận.

2- Vật chất (gần bàn tay hơn) : hoạt động thực tế.

Tay có gút không đẹp nhưng tốt cho bàn tay mũi viết hay bè bè : biểu hiện sự nhẫn nại, suy nghĩ.

2 bàn tay không giống nhau :

- tay trái : khuynh hướng bẩm sinh. Bàn tay định mệnh.
- Tay phải : xác định khả năng và cho biết hành động sẽ thực hành trong đời. Đây là bàn tay có sáng kiến cá nhân.

(áp dụng cho những người thuận tay phải ; những người thuận tay trái thì ngược lại)

Bàn tay định mệnh có quyết định sau cùng.

## **CHƯƠNG 2: CÁC DẤU HIỆU THƯỜNG GẶP**

### **CHẤM VÀ LỖ TRÚNG**

*(Thường là dấu hiệu không tốt.)*

1. **Trên Sinh đạo:** 1 căn bệnh hay vết thương nhưng không nguy hiểm tính mạng.

- Nếu hơi đen hay xanh dợt: tai nạn nguy hiểm tính mạng
- Chấm hay đốm xanh đen: bệnh thần kinh hay màng óc.

2. **Trên Trí đạo:**

- Đỏ: thương tích ở đầu.
- Trắng: có sự phát minh khoa học.
- Đen và xanh: bệnh thần kinh, thương hàn, nhức đầu.
- Lỗ trùng dưới gò Thổ tinh: bị thương ở chân.

3. **Trên Tâm đạo:** báo hiệu sự buồn rầu vì tình cảm gia đình.

- Chấm trắng: có sự chiến thắng về tình ái.
- Chấm dưới gò Thái dương: buồn rầu, phiền não do nghề sĩ hay người có chức phận gây ra.
- Chấm đỏ: buồn rầu về tình cảm, vết thương lòng, hôn nhân trở ngại.
- Lỗ trùng như vết sẹo: bệnh tim, trúng phong.

4. **Trên đường Định mệnh:** trở ngại tạm thời rồi qua đi.

- Chấm trắng: có sự trở ngại.
- Chấm đỏ: bị thương tích.

5. **Trên đường Trước giác:**

- Chấm trắng: sự thông minh bị suy giảm.
- Chấm đỏ: tâm bối rối, có sự bất an.

6. **Trên gò Mộc tinh:**

- Chấm: thất vọng, địa vị bị lung lay.

7. **Trên gò Thổ tinh:**

- Chấm: điềm tai nạn, bệnh phong thấp.

8. **Trên gò Thái dương:**

- Chấm: Thất bại trong nghề thuật, danh dự bị tổn thương, đau mắt.

9. **Trên gò Thủy tinh:**

- Chấm: thất bại trong kinh doanh, đau thần kinh.

10. **Trên gò Kim tinh:**

- Chấm: thương tích hay tai nạn, đau ruột.

11. **Trên gò Hỏa tinh và đồng Hỏa tinh:**

- Chấm: bệnh gan hay bệnh phong tình.

13. **Trên các móng tay:**

- Chấm trắng: nóng tính.

- Chấm đen, màu: điềm không tốt.

14. **Trên đường Tử tức:**

- Một lỗ thủng: 1 con chết.

- Một chấm hay (\*): 1 con chết vì tai nạn.

15. **Trên đường Hôn nhân:** - Chấm đen: góa bụa.

16. **Trên đường Du lịch:**

- Một lỗ thủng hay (\*): điềm xấu cho cuộc hành trình nguy hiểm.

## CÙ LAO

(chủ: tật bệnh hay ngoại tình) Đóng trên:

1. **Sinh đạo:** bệnh nhưng không nguy hiểm nếu Sinh đạo tiếp tục. Thời gian bệnh tùy thuộc chiều dài cù lao.

2. **Trí đạo:** đau đầu, bệnh thần kinh, có ý nghĩ xấu đen tối, toan tính sự hèn hạ đổ máu. Cù lao hình tròn: tai nạn làm hư mắt. Nếu 2 tay đều có hình tròn: mù 2 mắt.

3. **Tâm đạo:** yếu tim, có ngoại tình.

4. **Trực giác:** đau gan, kẻ trộm cắp, lừa gạt.

5. **Định mệnh:** ngoại tình, lang bang tùy chiều dài cù lao, có thể là sự bất thường hay đau khổ giữ kín trong lòng.

6. **Đường Thái dương:** đời sống sáng chói nhưng phải tranh đấu. Người ngoại tình, ý muốn thỏa mãn dục vọng, chết bất đắc.

7. **Gò Thái âm:** sáng ý, mơ mộng, linh cảm, hay tiên tri.

8. **Dưới gò Thủy tinh:** Thất bại ê chề trong sự nghiệp.

9. **Trên đường Hôn nhân:** dấu hiệu kết hôn với một người bà con.

10. **Trên gò Mộc tinh:** sẽ sạt nghiệp vì oán thù.

11. **Trên gò Thổ tinh:** loạn luân, có ý nghĩ quấy với vợ con người khác.

12. **Trên gò Thái dương:** sẽ bị ô nhục và mất danh dự, có thể thành công nhờ thông dâm.

## DẤU HIỆU TAM GIÁC

*Báo trước 1 khả năng về khoa học, có tài đức đưa đến thành công hầu như không có ý nghĩa xấu.*

Đóng trên:

1. **Gò Mộc tinh:** tài ngoại giao, thuyết phục được đại chúng.

2. **Gò Thổ tinh:** thích khoa học huyền bí, có khiếu về thần học và ma thuật.

3. **Gò Thái dương:** thích nghệ thuật, khoa học, sẽ là nhà kinh tài nổi tiếng.

4. **Gò Thủy tinh:** tài ngoại giao giỏi, chính trị tinh vi, giải quyết vấn đề nhanh chóng.

5. **Gò Hỏa tinh:** thông binh pháp, giỏi cầm binh, nhiều mưu lược.

6. **Trên đồng Hỏa tinh:** nhiều danh vọng trong quân trường.

7. **Gò Thái âm:** khả năng về hàng hải, triết học.

8. **Gò Kim tinh:** mưu sĩ, tính toán trong ái tình. ( nữ: phát tài về tình ái).



9. **Trên vòng cườm tay:** gặp hôn nhân giàu sang hơn mình.
10. **Trên lòng tay 3 ngón giữa (?):** trụy lạc.
11. **Trí đạo cuối cùng có dấu tam giác:** có trực giác, có khiếu về thần linh học, có độ trì của quý nhân.
12. **Sinh đạo cuối cùng có dấu tam giác:** ham ba hoa.

### **HÌNH TRÒN**

Chỉ có giá trị trong phạm vi nghệ thuật thường có trên bàn tay nghệ sĩ giữa ngón áp và út. Nếu đóng trên:

1. **Gò Thái dương:** gặt được thành công và danh tiếng.
2. **Gò Thái âm:** nghệ sĩ giàu tưởng tượng, có khả năng diễn xuất trên hí trường.
3. **Trên Sinh đạo hay Trí đạo:** báo động sự hư mất. Nếu có trên 2 tay đều có: mù lòa.

### **HÌNH CHỮ NHẬT**

*Luôn là dấu hiệu tốt. Bất cứ đâu cũng bảo vệ, đỡ hóa lành. Chận bệnh chứng phát sinh. Về hôn nhân: đem lại hạnh phúc và thành công trong mọi công việc.*

### **HÌNH VUÔNG**

*Coi chừng nhảm với hình chữ nhật. Nói lên sự bảo vệ thiêng liêng trong lúc tai nạn.*

1. **Trên gò Mộc tinh:** có óc tìm hiểu, nghiên cứu, có nhiều sáng kiến.
2. **Trên gò Thổ tinh:** coi chừng té khi leo trèo, cuộc đời nhiều sóng gió, rủi ro.
3. **Đóng khoảng giữa Sinh đạo:** có nạn to trong thời kỳ ấy, nhờ âm đức nên qua khỏi. Có thể mất của (nữ), tù tội (nam).
4. **Đóng trên gò Kim tinh, gần Sinh đạo:** thất chí chán đời, thích ẩn dật hay xuất thế. Có thể can án nếu thiếu nghị lực.

### **HÌNH SONG SẮT (xấu, trở ngại)**

Đóng trên:

1. **Gò Mộc tinh:** ích kỷ, mê tín, kiêu căng, muốn chinh phục kẻ khác và hơn người.
  2. **Gò Thổ tinh:** gặp nhiều tai nạn, trở ngại, lao tù.
  3. **Gò thái dương:** trở ngại vì nghệ thuật, háo danh, loạn thần kinh.
  4. **Gò Thủy tinh:** lợi dụng khoa học, gian trá, vọng ngữ.
  5. **Gò Hỏa tinh:** chết dữ.
  6. **Gò Thái âm:** có sự u buồn lo lắng, ý nghĩ đen tối, quỳên sinh.
  7. **Gò Kim tinh:** đam mê, nếu có ý chí cương quyết thì sự xáo trộn tình ái được đưa vào con đường thi văn nghệ thuật và được nổi tiếng (trường hợp Lamartine)
- Dạng hình vuông kiểu chữ Điền: tăng khả năng huyền bí.*

### **CÁC DẤU HIỆU KHÁC**

1. **Hình bán nguyệt:** đa dâm, mất cả lương tri.
2. **Hình mắt nhứt:** (Hình (\*) giữa vòng tròn) thật tốt có nhiều thành công.

3. **Nhánh nang (Y) dưới ngón áp út:** trở nên giàu có.
4. **Chữ thập (+) ở gò Mộc tinh:** hạnh phúc trong tình yêu.
5. **Những chỉ nhỏ (lll) dưới ngón út:** có khiếu affaire to và có khiếu phục được.

### **NỐT RUỒI ĐEN, TÀN NHANG TRÊN BÀN TAY**

*Thường là dấu hiệu không tốt. Nằm trên:*

- Sinh đạo: phòng tai nạn, có thể gãy chân.
- Trên lòng 3 ngón áp (?): đau mắt có thể mù lòa.
- Gò Thủy tinh: có tính tham, trộm cắp.
- Can đạo: phòng té sông (?)
- Khoảng giữa Trí đạo và Định mệnh hay trên gò Thổ tinh: phòng bị vợ đầu độc.
- Tâm đạo: bị thất tình ê chề.
- Gò Kim tinh: bị tình phụ.
- Gò Mộc tinh: hao tài, danh dự bị tổn thương.

### **NỐT RUỒI SON**

*Dấu hiệu tốt, ít có trên bàn tay, thường có trên cơ thể. Đóng trên:*

- Gò Mộc tinh: giá trị như (\*).
- Gò Thổ tinh: danh tiếng lừng lẫy.
- Gò Hỏa tinh: được người trên nâng đỡ đến thành công.
- Gò Thủy tinh: gặp hôn nhân giàu có.
- Gò Kim tinh: được tài sản to tát nhờ hôn nhân.
- Khoảng giữa gò Thổ tinh & Thái dương: thành công chắc chắn trên đường nghệ thuật.
- Ở trước ngực, từ cổ đến rún (nhứt là gần nhũ hoa): được nâng niu chiều chuộng, về mọi mặt, tình cũng như tiền.
- Ở từ rún xuống đùi, (nhứt là gần chỗ kín): có nhiều năng lực, quyến rũ người khác phái 1 cách say mê. ( Nữ: người nghiêng nước đổ thành).
- Ở sau lưng: dấu hiệu tiền tài và may mắn.
- Ở bả vai: tốt số bất cứ ở trường hợp nào.
- Ở từ vai trở xuống: người tạo được tài sản rất sớm.
- Ở 2 bên hông: đa phu.

### **KHU ỐC**

Là những đường chỉ li ti cuốn tròn lại hình tròn ốc. Thường khu ốc ở đầu ngón tay. (*tức là lòng 1, đốt 1*)

- Đầu ngón cái có khu ốc: tình duyên thơ mộng, nhưng không mấy hạnh phúc.
- Khu ốc ở đầu ngón trỏ: vượng tài.
- Đầu ngón giữa: nghĩa hiệp, hay giúp đời, nhưng kém ngay thật.
- Đầu ngón áp út: khéo léo, có khuynh hướng mỹ thuật.
- Đầu ngón út: lưu loát có óc kinh doanh, có danh vọng, ưa thương mại.
- Bàn tay có nhiều khu ốc: hạnh phúc, có sự nghiệp, tình ái.

### **THẬP TỰ (CROIX)**

Đoán trước sự thay đổi địa vị. Tốt, xấu tùy địa điểm nó đóng.

1. **Dưới chân ngón trỏ:** hạnh, phúc tiền tài, danh vọng tốt nhưng tình duyên éo le, hôn nhân bị ép buộc.
2. **Trên gò Mộc tinh:** điềm hạnh phúc cho hôn nhân, thường là cuộc hôn nhân chính thức. Nếu thêm đường Thái dương phát xuất từ gò Thái âm: bạn kết hôn vì ái tình. Nếu thập tự không rõ: Sự kết hôn sắp thực hiện nhưng bị trở ngại mà không thành tựu. Nếu thập tự đóng thân dưới gò Mộc tinh: giàu sang lúc về già.
3. **Trên gò Mộc tinh,** dấu thập dính liền với ngôi sao: sẽ kết hôn với 1 người có địa vị cao sang hơn.
4. **Trên gò Thổ tinh:** thích sự huyền bí, say mê đạo đức và sự thanh vắng, thích cô độc, phiêu lưu. Đời nhiều sóng gió nhưng hậu vận tốt.
5. **Trên gò Thái dương:** nhiều trở ngại trên đường nghệ thuật, thất bại về tiền tài, sự nghiệp. Phòng đau mắt.
6. **Trên gò Thủy tinh:** có xu hướng về công cuộc làm giàu bất chính (trộm cắp, par ex.)
7. **Trên gò Hỏa tinh:** coi chừng đánh nhau, nên bớt tính nóng.
8. **Trên gò Thái âm:** Giàu mơ mộng. Coi chừng bị thủy nạn. Nếu 2 tay có thập tự: hay ưu tư, đảng trí.
9. **Trên gò Kim tinh:** ái tình duy nhất nhưng không tốt. Nếu trên gò Mộc tinh cũng có thập tự: chuyện xấu hóa tốt, hạnh phúc dồi dào.
10. **Trên Đồng Hỏa tinh:** người nguy hiểm, thích gây sự đánh nhau, điều gì cũng dám làm.
11. **Trên tứ giác diện, dưới ngón giữa là dấu thập tự thần bí:** ưa khoa học huyền bí có khi ma giáo. Nếu đường Thái dương dính theo: gặp hạnh phúc trong tôn giáo.
12. **Trên tứ giác diện không rõ ràng:** hay bị kích thích quá độ.
13. **Trên tứ giác diện rõ ràng & gần gò Hỏa tinh nghiêng qua gò Thái âm:** nếu du lịch phương xa thì phát tài.
14. **Nhiều (+) nhỏ rõ ràng trong tứ giác diện:** có nhiều bạn lành.
15. **(+) ở điểm phát khởi Sinh đạo:** tai nạn trong khi mới sanh, hay là con ngoại hôn.
16. **Trên đường Sinh đạo lúc sơ khởi:** tai nạn lúc thiếu thời (ex: té gãy tay chân).
17. **Trên Sinh đạo:** báo trước 1 tai nạn, 1 binh tật, 1 sự tranh chấp, có thể bị đầu độc. Nếu(+) đóng sát Sinh đạo, thấp, sâu & rõ nhưng không chạm vào đường này: sẽ bị tù tội hay tai nạn nặng nề.
18. **(+) cuối Sinh đạo:** Hạnh phúc giàu sang lúc về già.
19. **Ở giữa Trí đạo:** bệnh đau óc, hay té có thương tích, chết người. Nếu có nhiều thập tự trên Trí đạo: nhiều lần bị thương ở đầu nặng, nhẹ tùy theo sự đậm nhạt của (+).
20. **Cuối Trí đạo hay ở mé trên hay mé dưới:** có gia tài, tiền bạc, hưng thịnh.
21. **Trên Tâm đạo:** yếu tim, hay khổ vì tình.
22. **Trên Định mệnh:** trở ngại trong nghề nghiệp, thay đổi địa vị hoặc rủi, hoặc may.
23. **Cắt đường Thái dương:** trở ngại làm đình trệ bước tiến đến thành công.
24. **Trên đường Trực giác:** có bệnh, sức khỏe suy yếu.
25. **Trong Tứ giác diện, phía dưới gò Mộc tinh:** có tính đa nghi.
26. **Trên gò Thủy tinh gần đường Thái dương:** có khiếu khoa học huyền bí.
27. **Dưới gò Thái dương, mé trên Tâm đạo:** thích tôn giáo, ham mộ chính đạo.
28. **Trên cườm tay (1 hay nhiều) :** được hưởng gia tài, phát tài bất ngờ.
29. **Tại mắt thử 3 ngón trỏ:** dâm đảng.

- 30. **Trên mắt thứ 2 ngón trỏ:** có quý nhân phù trì.
- 31. **Trên lòng thứ 3 ngón áp út:** Trình tiết trong sạch.
- 32. **Trên mắt thứ 1 ngón út:** có khuynh hướng trộm cắp, bất chính.
- 33. **Trên đường hôn nhân (hiện rõ ràng):** sẽ góa bụa.

## NGÔI SAO

*Báo hiệu điềm tốt hay xấu, nhưng có thể thay đổi được nhờ ý chí và lý trí. Giá trị mạnh hơn dấu thập.*

- 1. **Trên gò Mộc tinh:** luôn tốt, có thể thực hiện những mộng to tát, địa vị, tiền tài danh vọng do hôn nhân tạo thành.
- 2. **Trên gò Thổ tinh:** luôn xấu, điềm bình nan y, bị đe dọa, bị can tội sát nhân (thường là tay tử tội), sẽ bị ô nhục mà không do hành động của mình, nếu ráng hành thiện thì hy vọng vượt qua tai họa.
- 3. **Trên gò thái dương:** báo hiệu sự giàu sang không thể tưởng tượng nhưng bị họa (về vũ khí), cần xem Sinh đạo có dấu hiệu tử nạn không?
- 4. **Trên gò Thủy tinh:** lắm mưu mô, gian trá, trộm cắp, sẽ thành công trên thương trường nhưng là gian thương.
- 5. **Trên gò Hỏa tinh:** bị thương về vũ khí, danh dự tuyệt vời nhưng cần cẩn thận vì nóng tính có thể thành sát nhân, có thể thành công về binh nghiệp.
- 6. **Trên gò Thái âm:** bi thủy nạn (nếu \*) mờ: bị thủy nạn nhưng không chết), hay nổi danh nhờ óc tưởng tượng sáng tác.
- 7. **Ở đầu Sinh đạo:** có tài sản, nhưng buồn khổ vì đàn bà, nên thận trọng khi lựa chọn bạn lòng để phòng khổ lụy, đàn bà trong thân tộc cũng nên cẩn thận.
- 8. **Ở chân gò Kim tinh:** điềm thất vọng vì tình, khổ vì vợ ngoại tình. Nếu gò Kim tinh tốt đẹp và chỉ có (\*) này: có thể hạnh phúc vì tình.
- 9. **Ở gò Kim tinh có đường thẳng đến Trí đạo, nơi đó cũng là ngôi sao:** tai nạn lâm ly, có thừa kiện, hay ly hôn.
- 10. **1 hay nhiều (\*) ở gò Kim tinh:** tang khó của người thân.
- 11. **Ở Đồng Hỏa tinh có đường thẳng đến gò Kim tinh:** 1 tai họa. Chú ý thời điểm trên Sinh đạo để ấn định. Nếu ngôi sao đơn độc: sẽ nổi danh trong nghề nghiệp, phát minh.
- 12. **Trong tứ giác diện:** tính tốt nhưng yếu hèn, sợ vợ. Có tài tháo vát, dù có thất bại nhưng vẫn có cơ gây lại sự nghiệp dễ dàng.
- 13. **Ở đầu đường Sinh đạo, hay (+):** đưa con ngoại hôn hay bị tay nạn lúc chào đời.
- 14. **Cuối Sinh đạo, gần cườm tay:** giàu sang lúc về già (nếu \*) ở giữa bàn tay trên Sinh đạo: bị chết khủng khiếp (*trường hợp bàn tay Hitler-theo sách của bác sĩ J.Ranald*)
- 15. **Trên Trí đạo:** binh thần kinh hay bị thương ở đầu, nứt đầu.
- 16. **Ở cuối Trí đạo:** có thể là điểm tuyệt vời của sự thông minh mà cũng có thể bị thương ở đầu, hay rối loạn thần kinh.
- 17. **Trên đường định mệnh:** có trở ngại hay tai nạn, thay đổi địa vị hoặc rủi, hoặc may.
- 18. **Dưới chân đường định mệnh:** phá sản của cha mẹ thời niên thiếu.
- 19. **Trên đường thái dương, hay 1 nhóm sao nhỏ:** báo hiệu tai nạn. Nếu đường thái dương vượt ngang ngôi sao: đương nhiên có tai nạn nhưng qua khỏi nhờ phúc đức & đạt được thành công.
- 20. **Cuối vòng Kim tinh:** kẻ sát nhân hay tù tội cũng vì tình.

21. **Cắt đôi vòng Kim tinh dưới ngón giữa:** Bệnh do Kim tinh gây ra (bệnh phong tình chẳng hạn)
22. **Ngôi sao hay thập tự trên cườm tay:** có tài sản, gia tài trong ngày vị lai.
23. **Ngôi sao đầu ngón cái:** hào hoa phong nhã đi đến trụ lạc.
24. **Ở đầu ngón cái, gần móng tay:** ưa chứng diện, dâm dật.
25. **Trên các đầu ngón tay:** điềm xấu, tai nạn.
26. **Ở mắt thứ 2 ngón cái, gần lằn ranh gò kim tinh:** báo trước do phụ nữ gây ra & hôn nhân không may mắn.
27. **Trên lóng 1 ngón trỏ, ngón út:** có khoa ngôn ngữ, nói lưu loát.
28. **Trên đốt 1 ngón giữa:** báo hiệu biến cố trọng đại hoặc vinh quang như Napoléon hay bất mãn điên cuồng nếu sự việc không tương xứng với tư cách của mình.
29. **Trên đường tử tức:** điềm con chết.
30. **Trên đường hôn nhân:** góa bụa.
31. **Trên đường du lịch:** báo trước sự du lịch đầy nguy hiểm (chìm tàu, bão tố..)
32. **Trên lóng 3 ngón giữa:** Hạnh phúc tràn đầy, nhiều may mắn.
33. **Trên lóng 3 ngón trỏ:** Buồn khổ mất trí vì tang tóc.
34. **Trên lóng 3 ngón áp:** trở ngại trên đường công danh, thành công khó khăn.
35. **Trên tâm đạo:** có vợ giàu, được hưởng gia tài.(Nếu ngôi sao này lại đóng dưới khu vực gò Thổ tinh: chết vì yếu tim.)
36. **Trên sinh đạo:** (Trừ chỗ khởi đầu) hào hoa phong nhã, say mê đàn bà.

## **CHƯƠNG 3: CÁC CHỈ TRÊN BÀN TAY**

### **CÁC HÌNH DẠNG CHỈ**

- Hình nhánh nạng (chỉ 2).
- Hình tua (có các nhánh mọc ra từ chỉ chính).
- Hình lưới sắt.
- Sọc đứng.
- Cù lao, chấm, lỗ sâu: làm mất ảnh hưởng hay giảm giá trị của chỉ, cho thấy sự trở ngại, kém sức.
- Chỉ rộng: xác định tính xấu hay tốt, nhưng thiếu chiều sâu, thiếu xét đoán, suy nghĩ. Có tính chậm chạp, ít hoạt động (thường bàn tay ít chỉ hay có chỉ rộng)
- Chỉ cạn: có tính cách mập mờ, không dứt khoát, có thể "ngẩn ngui", đa cảm, hay thay đổi. Thường chỉ rộng cũng là chỉ cạn.
- Chỉ hẹp: đắn đo, suy tính, óc tinh tế, thường có chỉ hẹp và nhiều.
- Chỉ sâu: có tính trường kỳ, mạnh mẽ, nóng nảy, có tính "hết mình", liều lĩnh, chấp nhận mất tất cả hay hưởng trọn vẹn. Có tính chung thủy. Nếu đứt đoạn: có trở ngại nhưng chỉ trong thời gian ngắn.
- Chỉ mỏng: ít ham muốn ít trở ngại, cuộc đời bình ổn.
- Chỉ rõ: có tính chất quang minh, chính xác.
- Chỉ mờ: không dứt khoát, mập mờ, không trung thực, quang minh.
- Chỉ thẳng: xác định sự dễ dàng, không trở ngại.
- Chỉ ngoằn ngoèo: đa nghi, có tính không trung thực, làm mất cái hay của chỉ.
- Chỉ nguyên vẹn: yên tĩnh, trầm mặc.

- Chỉ đứt: một gián đoạn, xáo trộn.
- Chỉ đứt nhưng chồng nhau hay có đường phụ nối: sự gián đoạn xáo trộn được giải.
- Chỉ chồng nhau: tăng thêm giá trị của chỉ.
- Chỉ bị cắt: nguy hiểm, gian lao, bịnh tật thậm chí chết chóc. (khác với đường đứt quãng: không thể xem là một đường).
- Chỉ được tiếp nối: sự khó khăn được giải cứu.
- Chỉ rẽ nhánh, chẻ đuôi: khả năng ở đây được phát triển ra nhưng nếu chẻ đuôi nhiều giảm giá trị của chỉ, thể hiện sự do dự, cũng có thể là khả năng tản mát, suy nhược. Nhánh chảy về gò nào: sẽ bị ảnh hưởng gò ấy. Tùy độ đậm nhạt mà có hiệu lực khác nhau. Thời gian biến đổi có thể xảy ra sớm nhất là 6 tháng (theo bác sĩ Josef Ranald).
- Chỉ hình lòn tói: giảm sức chỉ đó.
- Chỉ có nhánh nhóc: triệu chứng tốt.

## **MÀU SẮC CHỈ**

- Đỏ: sinh lực dồi dào.
- Xám nhạt: sức khoẻ dồi dào nhưng thiếu nghị lực.
- Màu thật thắm: sâu muộn, thù hằn và kín đáo.

## **SINH ĐẠO**

Nói lên sự cường tráng, thọ yếu.

- Rõ, đều, dài, màu hồng: có sự quân bình, trong cơ thể.
- Dài và lu mờ: suy tư, xem đời là tạm bợ, trầm mặc, thích cô độc.
- Dài, cong suốt gò Kim tinh: thọ.
- Bắt nguồn thật cao dưới ngón trỏ: tự phụ, kiêu căng, tham vọng (biết cách dùng khả năng mình để đạt tham vọng), giàu có.
- Ngắn, nếu ở cả 2 tay: yếu không tránh khỏi.
- Ngắn nếu ở tay trái (đối với người thuận tay phải): có thể thọ nếu biết cách sống.
- Ngắn, nếu cuối đường có nhánh nhỏ (như hình chữ ba chẵn hạn): chết yếu vì bạo bệnh.
- Ngắn, cuối đường có (+) hay (\*) : chết bất ngờ vì tai nạn.
- Ngắn, cuối đường có 2 lằn nhỏ song song 2 bên: phòng chết bất đắc.
- Mỏng, ngắn, bàn tay mềm: cá tính nhút nhát, hay đau ốm.
- Hồng hào: tính đơn giản, ưa làm việc phải.
- Màu đỏ, sâu rộng: nóng, hung tợn. Nếu có thêm mắt xích: hoang dã.
- Sâu rộng: nóng, hung tợn. Nếu có thêm sắc đỏ: tăng thêm tính thô lỗ, cộc cằn.
- Không đều, có khoảng rộng, khoảng hẹp: không mực thước, ương yếu.
- Nhỏ, dài: biết giữ sức khoẻ để sống lâu.
- Bị cắt đứt thành nhiều khoảng: yếu, nhiều bịnh, có thể phát xuất từ bộ máy tiêu hóa.
- Đứt ở tai trái (đối với người thuận tay phải): bịnh nặng trong khoảng đứt.
- Đứt 2 phần trong 1 bàn tay: sự yếu sức như đê vỡ, 1 bịnh nặng qua khỏi (nếu 2 đoạn có 2 đầu chồng nhau); nếu có chỉ tạo hình vuông hay chữ nhật nối 2 đoạn đứt thì thoát tai nạn trong đường tơ kẻ tóc hay có đường Định mệnh nối lại 2 khoảng đứt.
- Có tua lúc phát sinh: may mắn, giàu từ thơ ấu.

- Rẻ về gò Thái âm: phiêu bạt, xa quê hương.
- Rộng, gần như bao trùm cả gò Kim Tinh: giàu lòng nhân ái.
- Hẹp: ích kỷ, lạnh nhạt, nữ: sinh đẻ khó. (khi ấy gò Kim tinh hẹp lại)
- Sinh đạo đôi: nhiều sức khỏe, thọ, hưởng gia tài, tuy nhiên cảnh ngộ éo le, thường gặp nhiều cảnh bất trắc nhưng thoát chết. Nữ: đa tình (cần nên chế ngự), có thể đồng con hay không đưa nào. (theo J. Ranald: nếu đường này nằm về phía ngón cái: là đường Hỏa tinh: làm gia tăng dự tính nếu không có Trí Đạo và Tâm đạo tốt kèm hãm). Nếu cuối đường cặp theo Sinh đạo có nhiều vết nhăn như bị cắt: bệnh về già, nếu lằn chỉ ứng hồng: già không đau ốm, chết êm ái.
- Uốn cong xoắn như ruột gà: đau mắt, cận thị, có thể mù.
- Dạng xúc xích: sầu khổ, nhiều bệnh suốt đời.
- Từ chỗ bắt nguồn có nhiều đường ngang và cù lao: hay đau yếu, bất hạnh từ nhỏ, có thể là con ngoại hôn.
- Cuối Sinh đạo có nhánh nặng: yếu sức khỏe, có trên 2 tay: nên nghỉ để sống lâu hơn.
- Cuối Sinh đạo có nhánh nặng hay nhiều nhánh (hay có tua): cảnh nghèo lúc già hay sức khỏe kém lúc già.
- Có đường song song kèm theo Sinh đạo: nữ: đa dâm nhưng giàu, thụ hưởng gia tài.
- Kết thúc ở gò Thái Âm: tính phiêu lưu, không ở nhất định chỗ nào.
- Kết thúc bằng (\*) hay (+): chết bất ngờ hay tai nạn khủng khiếp (cần xem thêm các chỉ khác).
- Điểm tròn trên Sinh đạo: hư mất. 2 điểm tròn: có thể hư 2 mắt.
- Điểm tròn to: tai nạn, có thể là sát nhân.
- Thập tự trên Sinh đạo: tai nạn, có thể gây tàn tật hay nguy tính mạng.
- (+) hay (\*) khởi đầu Sinh đạo: tai nạn lúc mới sinh hay con ngoại hôn.
- Chấm đen trên Sinh đạo: thương tích hay 1 bệnh phát sinh.
- Cù lao trên Sinh đạo: bệnh, suy nhược tùy thuộc chiều dài cù lao.
- Nhiều chỉ vắt ngang và cù lao ở chỗ bắt nguồn (giữa ngón cái và trỏ): bất hạnh lúc nhỏ, có thể là con ngoại hôn.
- (+) cuối Sinh đạo: phòng mù lòa.
- Nhánh nặng hưởng thượng: nếu rõ: thành công nhỏ trong đời (tiền và chức phận), nếu kéo dài lên các gò: thành công trong nghề nghiệp.
- Nhánh nặng hưởng thượng và có đường cắt ngang (tạo tam giác) : ly hôn, hay sinh ly tử biệt, hay thừa kế, xích mích trong gia đình.
- Nhánh nặng hưởng hạ: thất bại, có thể nghèo túng trong một thời gian.
- Có nhánh rẽ: phòng bị kích động thần kinh.
- Có nhánh rẽ vào gò Kim tinh: yếu, tàn phế do trụy lạc từ nhỏ.
- Có nhánh rẽ vào gò Thái âm: già bị lẫn lộn.

#### Chỉ cắt ngang Sinh đạo:

- Phát khởi từ gò Kim tinh: buồn rầu lo lắng trong gia đình, hàng xóm, làm ăn. Sức khỏe bị ảnh hưởng.
- Sinh đạo bị một chỉ khác xuyên thẳng từ dưới lên trên: số làm ăn khá, nhưng nếu chỉ này thẳng lên đụng Tâm đạo hay Trí đạo rồi biến mất: khấm khá chỉ trong một thời gian rồi đầu lại vào đấy.
- Từ Sinh đạo cắt Trí đạo: ý kiến, dự trù bị cản trở.



- Từ Sinh đạo cắt đ. Định mệnh: tai hại cho việc làm ăn.
- Từ Sinh đạo cắt Tâm đạo: phiền não trong tình cảm gia đình, hôn nhân.
- Cắt đường Thái dương: làm ăn bị đụng chạm, xáo trộn với người xung quanh, có thể bị hại hay phá sản, vợ chồng phân ly.
- Từ (\*) của gò Kim tinh: có tang người thân, nếu đụng (\*) trên Trí đạo: có kiện tụng hay ly dị.
- Từ gò Kim tinh băng qua Sinh đạo phát khởi từ (\*): tang tóc, ly dị ở thời điểm trên Sinh đạo.
- Từ Sinh đạo đụng đường Thái Dương và chảy cùng chiều hòa với đường này như rạch đổ ra sông: được kiện và thụ đắc tài sản.
- 1 đường từ gò Kim tinh cắt đôi Sinh đạo: hôn nhân trắc trở (nếu có kèm theo hình vuông: hôn nhân rời rã nhiều lần).

Các chỉ hướng thượng: nói chung thuận lợi (chỉ ngang: trắc trở).

- Từ Sinh đạo lên gò Mộc tinh: óc kinh doanh, óc tranh đấu để thành công.
- Lên gò Thổ tinh: thành công nhưng phải qua nhiều trở ngại.
- Lên gò Thái dương: thành công về nghệ thuật, nổi tiếng.
- Lên gò Thủy tinh: thành công lớn trên thương trường.

### **Cách tính tuổi trên Sinh đạo:**

**Cách 1:** thông dụng nhất.

- Vẽ 1 đường tưởng tượng AB từ nguồn Sinh đạo (A) ngang qua lòng bàn tay (giao cạnh bàn tay điểm B).
- Kéo dài trục các ngón thành những lằn thẳng đụng AB.
- Từ các giao điểm đó vẽ những đường 45 độ đụng Sinh đạo (trong đó 1 lằn kể từ B đụng Sinh đạo là điểm 50 tuổi).
- (Từ đó suy ra các biến cố ở thời điểm nào đó)
- So sánh chiều dài các chỉ khác để kiểm tra lại.

**Cách 2:** Điểm giữa chân ngón trở làm tâm kẻ đường tròn từ giữa ngón áp đến Sinh đạo (10 tuổi)

- Vòng 20 tuổi từ kẻ ngón áp và ngón út.
- Vòng 30 tuổi từ giữa ngón út.
- Vòng 40 tuổi từ bìa tay ngón út.
- Tiếp tục vẽ vòng 50, 60, 70 khoảng cách đều nhau.
- Vòng 60-70 tuổi bằng 2/3 khoảng cách trên.
- Vòng 70-80 2/3 khoảng cách vòng 60-70 tuổi. Cứ thế tiếp tục đến vòng 100 tuổi, vòng sau bằng 2/3 vòng trước.

(cần tham khảo nghiên cứu lại kể từ vòng 60 tuổi)

**Cách 3:** (cần tham khảo nghiên cứu lại)

- Lấy trung bình công tuổi thọ trên Sinh đạo, Tâm đạo, Trí đạo, Định mệnh = (a)
- Nếu bàn tay có đường sinh lực: công tuổi sinh lực vào (a).
- Nếu bàn tay có Sinh đạo đôi: lấy tuổi 2 đường Sinh đạo làm 1 cũng làm như trên.

**Đối với bàn tay chẵn chít:** (cần tham khảo nghiên cứu lại)

- (Đo chiều dài Sinh đạo +100) x  $\frac{1}{4}$



- Nếu Sinh đạo quá ngắn hay quá dài: căn cứ khoản cách 30-40 tuổi mà tìm phần dư ra rồi cách tính cũng như trên.

Đối với bàn tay ít chỉ: (cần tham khảo nghiên cứu lại)

Nếu bàn tay thiếu:

- Sinh đạo: lấy chiều dài ngón cái thay thế.
- Trí đạo: chiều dài ngón giữa thay thế.
- Tâm đạo: chiều dài ngón trỏ thay thế.
- Định mệnh: chiều dài ngón áp (hay đường Thái dương) thay thế.
- Sau đó lấy tổng x  $\frac{1}{4}$ .

Áp dụng cách trên cho 2 bàn tay là lấy trung bình bằng tính tuổi thọ bàn tay ít chỉ.

### **Bàn tay ít chỉ.**

- Bàn tay chỉ có 3 chỉ nhánh, không có chỉ phụ và dấu hiệu khác: cam chịu số phận, an phận.
- Sinh đạo là chính yếu: nếu ngắn: ít thành công nhưng tỉ mỉ, kỹ càng trong công việc, nhiều người mến.
- Trí đạo xuất phát không dính với Sinh đạo: cứng đầu, tự tin, tự lập (nếu Tâm đạo đóng cao: lạnh lùng trong tình cảm).
- Sinh đạo và Trí đạo dính lúc khởi đầu, Trí đạo lại uốn cong lên Tâm đạo: nhút nhát, không chủ định, do dự, khó thành công, nhiều tình cảm.
- Trí đạo chảy ngược lên Tâm đạo và dứt dưới gò Thủy tinh: rất khôn, có thể quỷ quyệt, có óc thương mại ngoại giao, nhiều thủ đoạn làm tiền.
- Trí đạo chảy vào gò Hỏa tinh lại có cù lao: đau đầu, mất trí, tai nạn nơi đầu (khó tránh), dễ thất bại vì nóng tính.
- Tâm đạo vắt tròn bàn tay: ít may mắn, luôn sầu não, than thở, như không có tri kỷ để tâm sự, nhiều người mến, có bạn chung tình khôn ngoan hoạt bát. giàu sang.

### **Bàn tay chần chịt:**

- Xấu số, luôn ưu tư suy nghĩ nên dễ sinh bệnh.
- Không thọ, trung bình là 35 tuổi.
- Nhút nhát, thương ai cũng giấu kín trong lòng, ít bày tỏ dù với người mình thương.
- Kém may mắn. Hay trễ nải trong công việc.
- Hay tính toán, nữ: số ba đào.

## **TÂM ĐẠO**

Khởi từ bìa bàn tay đến ngón trỏ. Thể hiện tâm tư tình cảm.

- Thiếu Tâm đạo: xấu, tình cảm khô khan, gian dối, hung tợn, yếu.
- Rõ, tươi sáng: Tâm đạo lý tưởng, nhiều tình cảm, dễ sa ngã. Nếu đến gò Mộc tinh: đa cảm, nhiều tình ái.
- Đỏ sậm: tình cảm mãnh liệt.
- Sâu lõm: hung tợn, có thể sát nhân.
- Sâu và ngoằn ngoèo: không chừng mực, hay thay đổi, ham mê dục vọng nhưng mau chán, có thể chết vì ái tình (nếu có nhiều đường nhỏ cắt Tâm đạo: nhiều bất hạnh trên tình trường)

- Sâu đậm và gút mắc: nóng, hung bạo, có thể sát nhân. Nếu Tâm đạo ngắn, hay bàn tay cứng, khô khan, ngón gồ ghề: tình tình nguy hiểm, có thể sát nhân.
- Đậm, ngoằn ngoèo: giàu yêu đương, nhiều ghen tuông.
- Lọt lạt, không nhánh: không tình cảm, hay ghen ghét.
- Lọt lạt, xanh mét: sức khỏe kém.
- Đỏ bầm: bàn tay cứng, đầu ngón cái tròn: hung tợn.
- Ngoằn ngoèo: hay lừa tình.
- Ngoằn ngoèo và gút mắc: nóng, đau khổ vì vợ dữ. Phòng bệnh bao tử và tim
- Rộng và hơi cạn: dễ cảm xúc, dễ phẫn nộ nhưng dễ quên.
- Mỏng: tính tình lạnh nhạt, ít muốn xen vào chuyện người (nếu tất cả những đường khác đều mỏng: người không lạnh nhạt nhưng đứng đắn, ôn hòa).
- Dài, thẳng, không gãy, không xúc xích: giàu nhân đức.
- Dài: đào hoa, nhiều năng lực về ái tình (nữ: ghen ngầm). Yêu vô bờ bến nhưng trung thành (xem thêm Trí đạo để xác định).
- Dài vắt ngang trọn bàn tay: đa cảm, mù quáng trong ái tình, có thể dùng mọi thủ đoạn để chiếm người yêu bất chấp tính mạng và danh dự. Có thể cuồng dâm, Sở Khanh (xem các chi tiết chỉ khác để xác định thêm).
- Dài, gò Thái âm có nhiều gach: đổ kỵ, ghen tương thái quá.
- Đi trọn vẹn bàn tay, có tua hay không: dễ cảm động, đôi khi mất sự quân bình. Hay ưu tư buồn phiền, nóng nảy, dễ yếu tim. Hay mơ đến sự chết. Có hạnh phúc ái tình nhưng âu lo như không có tri kỷ. Dễ hóa ra ghen tương, không muốn người mình thương san sẻ tình thương cho ai hết (bàn tay mẹ chồng: hay đổ kỵ con dâu).
- Ngắn, lọt lạt: nhiều tính xấu, dù là người tu hành.
- Quá ngắn: lòng bàn tay mềm và cụt, tương người mập lùn, gương mặt tròn và mắt nhỏ: kém xã giao, nữ: vụng về.
- Tâm đạo đến được gò Mộc tinh: hay gặp may trong đời, tình cảm mới thanh cao. Nam: chính nhân quân tử, nữ: hiền phụ đảm đang.
- Khởi dưới ngón út: khéo léo, ít tình cảm, điềm xấu.
- Dứt tại lóng 3 ngón trở: tốt, người đáng kính trọng.
- Dứt tại gò Mộc tinh: gặp ái tình lý tưởng, tính tốt, giàu sang, có danh vọng.
- Dứt chân ngón trở (ngay ngắn lóng): tán tài, mất sản nghiệp trong kinh doanh (nên đứng liêu lĩnh), say đắm ái tình nhưng đủ lương tri để kiềm hãm dục vọng. Bắt nguồn càng sát ngón trở: tình yêu càng thanh cao. Càng xa ngón trở: càng nghiêng về dục vọng.
- Dứt dưới ngón giữa: lòng dạ khô khan, duy vật, ít kỷ, không có hạnh phúc hôn nhân, yếu, số ba đào, Có thể có thêm bệnh bướu. Nếu có thêm gò Kim tinh nảy nở: sa đọa. Nếu lòng bàn tay cứng: dễ sa ngã vì tử sắc. Gò Kim Tinh càng nảy nở: càng dâm.
- Dứt giữa ngón trở và ngón giữa: thực tế và hạnh phúc trong ái tình, chung thủy, có chí quật cường, hay bị cho là cứng đầu, khổ tâm, cực đến già.
- Dứt dưới ngón áp út: ngu, nghèo tình cảm, lý trí, ích kỷ, tự đắc, kiêu căng.
- Có nhánh hướng lên gò Mộc tinh: tình cảm mạnh và êm dịu. Nếu có 3 nhánh: giàu.
- Đóng đóng thật cao: ngông, lỗ bịch nhưng chung tình.
- Đóng thấp (Tâm đạo đến chân ngón út = 1/3 chiều dài lòng bàn tay): thông minh, sáng chói, nhân từ, nổi danh về buôn bán (nữ: dễ đổi chồng)

- Dạng xúc xích: dễ cảm, vui vẻ, cởi mở nhưng không thực lòng với ai. Đa tình nhưng không trung tín, dễ sa ngã. (hồi hộp vì tim yếu). Lòi tới dưới gò Mộc tinh: bệnh ở ngũ tạng, tâm hồn luôn xao động.
- Tâm đạo đôi (hiếm thấy): trung tín, tình dục mạnh. (nữ: tốt, tránh nhiều bệnh tật).
- Rộng, không màu sắc: tình cảm khô khan, dễ sa ngã, ưa dục lạc.
- Đứt từng đoạn(---): xấu số, luôn bị tình phụ dù luôn tha thiết với tình.
- Bị cắt ngang bởi những đường nhỏ: buồn rầu về tình cảm, gây đổ phân ly về bạn lòng, Bao nhiêu gạch thì bấy nhiêu nạn.
- Có nhánh hướng lên: không chung tình, phản bội. Có thể chỉ là ý nghĩ. Nếu Trí đạo ngay ngắn: yêu thương lý thuyết, có lý tưởng nào đó. Thường Tâm đạo có nhánh bên trên mà lơ mờ là có tính Sở Khanh. Mỗi nhánh tương ứng 1 mối tình nào đó hay 1 lý tưởng (nên mấy bà đừng vội ghen chồng khi tay chồng có dấu hiệu này).
- Có nhánh đi xuống: giàu nhưng ích kỷ.
- Có nhánh rẽ qua Trí đạo: Có mâu thuẫn giữa 2 đường này : nên xem xét kỹ.
- Có nhánh nhỏ rẽ từ Tâm đạo qua Trí đạo: xáo trộn lương tri-tình cảm.
- Có tua ở cuối đường: hào hoa, thích làm đẹp. Nếu có 3 tua (nhánh) hướng lên gò Mộc tinh: giàu sang, công bằng, thích lạc thú ở đời.
- Dính liền với nơi khởi đầu của Trí đạo: ích kỷ, hung hăng, tâm rối loạn, bất hạnh.
- Có 2 nhánh giữa gò Mộc tinh và Thổ tinh: dấu hiệu hạnh phúc, bình an, thành công (nữ: có chồng không mấy chung tình). (nếu có 3 nhánh mới hoàn toàn hạnh phúc: 1 dưới ngón trỏ, 1 dưới ngón giữa, 1 giữa 2 ngón này: mức thước trong ái tình, đúng đắn trong tình trường).
- Tâm đạo cong queo: kém đức tin, keo kiệt, tính Sở Khanh (nữ: đa cảm, nhẹ dạ trước ái tình, u buồn).
- Tâm đạo đi thẳng lên gò Mộc tinh rồi hạ thấp dựng Trí đạo tạo thành (+): không tránh khỏi hôn nhân bất hòa, đổ vỡ.
- Cắt Trí đạo: xáo trộn tâm thần.
- Có đoạn uốn lượn hạ thấp xuống Trí đạo: giả dối, lường gạt, tình cảm tính toán.
- Đi sát Trí đạo, màu đỏ thắm: tốt. Ở đầu có 2 nhánh chẻ ra: lãng mạn vu vơ, tâm hồn giao động, thỉnh thoảng hoạn tài. Nếu Sinh đạo và Trí đạo mỏng, bàn tay tái mét, nhiều chỉ cắt chằng chịt: phòng chết bất đắc dù không bệnh (như đứt gân máu).
- Tâm đạo hạ xuống dính liền Trí đạo (*sau đó lại chạy lên*): dễ gặp tiếng sét ái tình. Nếu chỗ giáp nối ở giữa bàn tay, dưới ngón giữa: có sự thất tình tuyệt vọng.
- Hạ thấp dính liền Trí đạo dưới ngón giữa: đại nạn, chết yểu.
- Đi sát gần Trí đạo: người giả hình.
- Lấn át Trí đạo: dễ bị mất trí.
- Hạ xuống thấp: có khuynh hướng ái tình cao thượng (đúng khi Trí đạo đóng cao).
- Tâm đạo, Trí đạo, Sinh đạo dính lại nhau: tán tài, chết bất đắc, tính kỳ khôi không ai cản được. (ngược lại 3 đường rời nhau: liêu lĩnh, nhưng mau chán). Nếu dính sát ngón trỏ: hôn nhân đau khổ. Nếu dính sát ngón cái: có thể tự tử.
- Đứt nhiều đoạn (---) không nhất định: tính bất thường, hay đổi ái tình và bạn bè, nhẹ dạ.
- Khoảng đứt dưới ngón giữa: yểu.
- Khoảng đứt dưới ngón áp: tự phụ.
- Khoảng đứt giữa ngón áp và ngón út: keo kiệt, đần độn.

- Khoảng đứt dưới ngón út: bần tiện, nhỏ nhen, hẹp hòi.
- Tâm đạo chia 2 nhánh (1 lên gò Thổ tinh và 1 xuống Trí đạo): dễ lầm lạc, mất của.
- Có 3 nhánh từ gò Mộc tinh chảy xuống Trí đạo: đời u buồn, đen tối, có thể tự sát.
- Có nhiều nhánh chảy xuống Trí đạo (hướng về ngón cái): lương tri tình cảm bị xáo trộn. Nhứt là tình ái.
- Có nhánh lên gò Thủy tinh: sẽ phát tài, lắm lợi lộc, có cơ hội làm giàu.
- Bị 1 đường từ gò Thái âm chạy lên đưng và đứng lại ở Tâm đạo: hạnh phúc nhờ phụ nữ, sự nghiệp, địa vị cũng vì phụ nữ làm trở ngại, phòng đau tim.
- Trong nhiều bàn tay chỉ có 1 đường duy nhất Trí đạo hay Tâm đạo: nếu nó dính Sinh đạo: là Trí đạo; nếu nó xuất phát giữa ngón cái và ngón trỏ và chảy xuống lòng bàn tay: Trí đạo; Trường hợp xuất phát từ rìa bàn tay: Tâm đạo. Đường duy nhất trường hợp trên có giá trị là Tâm đạo cho dù nó là Trí đạo (vì 2 đường hòa hợp nhau). Người có loại đường này thường có quyết định sâu sắc và không lay chuyển, có tham vọng đàn áp và chỉ huy.
- Trong vài bàn tay trí thức, Trí đạo và Tâm đạo là 1: tình cảm và lý trí hỗn tạp. Thường bị phong ba và tai nạn, đau thận và yếu tim. Nếu có nhiều dấu hiệu khác thì đỡ nhưng vẫn hồi hộp và lo sợ cho số phận (nữ: cô đơn, yếu).
- Thiếu Tâm đạo: hiểm, hoang dã. (Nếu 2 bàn tay đều thiếu: yếu, hay gặp nạn lớn.) Nếu có thêm Trí đạo lại vạch suốt bàn tay: sẽ gặp đại nạn.

#### Biến cố trên Tâm đạo:

- Tàn nhang hay hình trũng: bất hạnh, lao tâm, khổ tứ mà không được an ủi nhưng chung tình.
- Cù lao: cả đời buồn khổ vì tình đầu ngang trái, không dám than thở với ai, yếu tim.
- Chấm đỏ: thất tình, yếu tim, có sự phiền não trong gia đình về tình ái. (ở dưới gò Thái dương: đau khổ vì yêu nghệ sĩ)
- Vạch ngang: bất hạnh, thất tình.
- Nhiều gạch chéo nhau: đau khổ vì tình duyên, vỡ chồng lục đục, dễ tan rã.

#### Tính tuổi trên Tâm đạo:

- Tại trục ngón út: thời kỳ 10 tuổi.
- Tại trục ngón áp út: thời kỳ 30 tuổi.
- Tại trục ngón giữa: thời kỳ 50 tuổi.
- Tại trục ngón trỏ: thời kỳ 70 tuổi.

### **TRÍ ĐẠO**

Nói lên sự hoạt động của đầu óc, tinh thần.

- Khởi cùng điểm với Sinh đạo: hoạt động thông minh, có sự kiểm soát dè dặt và có suy nghĩ. (nếu dính 1 đoạn dài mới tách ra: ảnh hưởng nhiều của lương tri và cha mẹ nên trở nên nhát, bạn gái sẽ là người mẹ gương mẫu, hiền từ).
- Sinh đạo, Trí đạo không phát sinh cùng 1 điểm: cứng đầu, khó dạy, tự đắc, hành động điên rồ nhưng là diễn giả có tài, không kèm hãm xúc động. Đời sống gian nan (chắc chắn), có tai nạn. (nếu 2 tay đều như vậy: nên hạn chế sự táo bạo dẫn đến sự xấu xa, hung tợn. Nữ: ăn hiếp chồng).

- Giữa ngón áp kéo 1 đường thẳng xuống. Nếu Trí đạo đứt khi đụng vào đường này: chiều dài Trí đạo trung bình.
- Dài rõ, chạy đến gò Hỏa tinh: thông minh, tinh thần quân bình, người chân chính, giàu nhân ái (nếu có màu sắc hồng hào thì giá trị tốt tăng lên).
- Dài, chạy đến gò Thái âm, lòng bàn tay mềm: thờ ơ, lạnh lùng. Nếu lòng bàn tay có nhiều đoạn cắt bẩy bả: yếu tử vì quá lo nghĩ.
- Dài, đứt ở nửa gò Thái âm: tốt, nếu cuối đường có nhiều (\*): may mắn lạ thường.
- Dài, vạch ngang lòng bàn tay: nhiều tham vọng, quá cứng rắn, tự cao, có nhiều khả năng, biệt tài, phách lối, tính ưa độc lập.
- Dài sâu: thông minh, tháo vát, trí nhớ dai, giỏi giao tế, lý luận, chỉ huy (tay ngoại giao, trạng sư, giám đốc), hay lo nghĩ, có thể có biệt tài.
- Quá dài: quá thận trọng nên ít thành công.
- Ngắn, chỉ đến ngón giữa: yếu, kém thông minh, nhỏ mọn, số ba đào, ít may mắn (nên chọn bạn đời có Trí đạo dài), không thận trọng, không dứt khoát.
- Ngắn, ngón tay nhọn, bàn tay cứng: quá thật thà, phòng bị gạt và lợi dụng.
- Quá ngắn: nóng, hung tợn, có lúc nhờ liều lĩnh mà thành công.
- Ngắn và đậm: thô lỗ, phản phúc.
- Ngắn không tới ngón áp: vô tư lự, ngu độn, trí nhớ kém.
- Rộng mà cạn: không rõ ràng, thiếu tự tin, xét đoán nông cạn.
- Ngoằn ngoèo: hay nản chí, nếu thêm lúc đậm, lúc nhạt: gian xảo.
- Thiếu Trí đạo trong 1 bàn tay: ngu dốt.
- Thiếu Trí đạo trong 2 bàn tay: tai nạn nguy đến tính mạng.
- Thẳng băng: vững chắc, tự tin, không ham lợi lộc. Nếu Trí đạo xuất phát ngoài sinh đạo: giá trị này càng cao.
- Chảy về gò Thái âm: giàu tưởng tượng, ưa kiểu cách xa hoa, có sáng kiến nghệ thuật, văn chương. Nếu băng qua gò Thái âm: nhiều mơ mộng, ưa tôn giáo huyền bí, có thể cuồng tín, dị đoan. (Nếu bàn tay yếu hay ngón cái xấu: dễ chìm trong trụy lạc). Nếu Trí đạo thẳng: tay nghệ sĩ, nhà sưu tầm, nữ: nổi tiếng về nhạc hay vũ điệu.
- Hướng lên gò Thủy tinh: tham quá độ, quỷ quyệt. Bàn tay càng hẹp: càng thêm có tính keo kiệt.
- Chảy ngược lên như muốn tìm Tâm đạo: lạnh nhạt, thích cô đơn.
- Chảy ngược lên như muốn dính Tâm đạo dưới ngón áp: yếu.
- Chảy ngược lên như muốn dính Tâm đạo dưới ngón út: chết bất đắc.
- Ngoằn ngoèo: hay thối chí, bất nhất, cứng đầu đó rồi bị xỏ mũi đó.
- Gút mắt như lời tói: vũ phu, dao búa, có những hành động trái luân thường, sát nhân. (nếu Trí đạo rộng mà cạn: nhẹ dạ, dễ tin người).
- Đóng thật cao sát Tâm đạo: mực thước, có khả năng kiềm hãm dục vọng.
- Gãy, đứt: bị thương ở đầu, bị xáo trộn tinh thần, có thể bị mất trí (nếu có chấm hay cù lao nơi đó: xáo trộn gia tăng; nữ: thất tình, có ý nghĩa tự sát). Khi có hình vuông, chữ nhật, hay đường đôi nối lại: có thể được cứu vãn.
- Gãy nửa ngón giữa: thời gian vừa biết yêu; nếu gãy giữa ngón áp: biết yêu khoảng 30 tuổi (cần tham khảo lại).
- Có đoạn uốn lượn cong lên ngón giữa: bị mê hoặc vì tiền.

- Có đoạn uốn lượn cong lên gò Thái dương: óc mỹ thuật dồi dào, nổi tiếng trong mỹ thuật. (cong lên về phía trên mới tốt, ngược lại là không may mắn).
- Nếu khoản dính giữa Tâm đạo và Trí đạo dài: cẩn thận nhưng nhát, lúc nhỏ sống nhờ người khác. Khoảng dính sớm rẽ ra: càng sớm tự lập. Tính hay lãng trí.
- Khởi phát trong Sinh đạo, dạng như 2 chỗ gãy đụng nhau: thiếu tự tin, nhút nhát, có khi thiếu nhân cách. Tính cô độc, không lịch duyệt, cuộc đời không nổi tiếng.
- Khởi phát dưới Sinh đạo: nhát, hèn hạ, cô đơn, nghèo.
- Khởi phát gần như dưới ngón trở: nhiều năng lực để đạt ý nguyện (chỉ đứng ở bàn tay tốt và một ngón cái tốt). Nếu chảy về gò Thủy Tinh: nổi danh kịch nghệ. Nếu có dạng chữ S: có sức khỏe, giàu ham muốn về sự cường tráng thể xác.
- Dứt khoảng giữa Sinh đạo-ngón út: giàu. kiến thức, độc lập, tự tin, can đảm, đủ khả năng đạt những tham vọng. Nếu đường sâu đậm: thành công chắc chắn. Điểm dứt càng cao: tính tự tin càng cao, có thể đến mức táo bạo.
- Trí đạo đôi: may mắn lớn vì tiền, có cửa hoạnh tài, sẽ hưởng gia tài lúc nửa đời.
- Trí đạo đổ xuống và uốn vòng cung (hình móc câu): xấu, gặp tai nạn.
- Bị cắt ngang bởi nhiều vạch nhỏ: thường bị nhức đầu. 2 tay đều như vậy: nạn to.
- Dứt nhiều đoạn: bệnh đau óc, nếu những đoạn này đậm: có thể bệnh thần kinh.
- Bị dứt làm 2 đoạn: đau đầu, té nặng, phòng loạn trí. Nếu chỉ có ở 1 tay: thoát nạn.
- Nếu dứt 2 đoạn và được chấp chồng dưới gò Thổ tinh: bị thương ở đầu, tay, chân (có thể chết), cũng là dấu hiệu chết yếu (?)
- Nghiêng xuống ôm theo Sinh đạo: được hạnh phúc, thông minh.
- Trí đạo cuối đường rẽ làm 2 nhánh: khôn, bất thiệp, thích cãi, hay nói dối, khéo léo. Nữ: nghiêng nước nghiêng thành. Lý tưởng cho mục sư, kịch sĩ, luật sư.
- Trí đạo chảy lên gần Tâm đạo: có máu sấm, hô hấp khó, nếu cuối Trí đạo có nhánh nặng (Y): giả dối, sâu hiểm.
- Hướng lên gặp Tâm đạo: tình cảm lấn át lý trí, sợ vợ. (Nếu Trí đạo đóng cao, gần sát Tâm đạo: mực thước, có thể kèm ham muốn của mình; ngược lại nếu Tâm đạo đóng thấp xuống gần trí đạo, trong khi Trí đạo ở vị trí thấp: hành động hoàn toàn theo bản năng trước mọi ham muốn dù trong lĩnh vực nào.).
- Có nhiều nhánh hướng lên Tâm đạo: lý trí át tình cảm.; nếu nhánh chảy hướng lên gò Mộc tinh: gặp thành công kỳ lạ; lên quá ngón trở: kiêu căng.
- Cuối Trí đạo rẽ 3 nhánh: 1 nhánh chảy thẳng: nhiều ham muốn; 1 nhánh về gò Thủy Tinh: khôn khéo, lịch duyệt; 1 nhánh rẽ về gò Thái Âm: giàu sang (với bàn tay yếu mềm: bất nhất, thiếu nhận xét và không có những đức tính trên).
- Cuối Trí đạo chỉ 2 chỉ: 1 lên gò Thái âm, 1 lên gò Hỏa tinh: có nghệ thuật xã giao.
- Trí đạo rẽ làm đôi: có thể hưởng gia tài một cách bất ngờ (theo bác sĩ J.Ranald)
- Nếu có nhánh nặng (Y) hướng trọn vào gò Thái âm: giàu tưởng tượng nếu có thêm (\*) giữa 2 nhánh nặng: loạn trí, điên khùng.
- Có nhánh nặng hình chĩa gần gò Thái âm: đa nghi nhưng những đa nghi đều linh ứng.
- Trí đạo vòng cung hướng lên Tâm đạo: tính bí ẩn, hẹp hòi, tâm sự giữ kín ít thổ lộ, nếu cắt Tâm đạo: rất khôn, có thể gian xảo.
- Trí đạo gãy, hay có nhiều cù lao: sự sút kém tinh thần, trẻ con: thông minh nhưng trí nhớ kém (phòng nhức đầu, suy nhược về sau).



- Chữ thập (+) nhỏ cuối Trí đạo (nằm trên hay dưới Trí đạo): hạnh phúc về chiều, có gia tài.
- (+) hay (\*) trên Trí đạo: bị thương ở đầu ở giai đoạn nào đó.
- Cuối đường Trí đạo có nhánh 3: tam giác thông minh, người siêu việt.
- Cù lao trên Trí đạo: đau đầu, nữ: bất hạnh vì tình, phòng mất trí.
- (+): bị thương ở đầu, té, bị thú cắn.
- (\*): bị thương ở đầu, điên loạn. Nữ: đẻ khó, hiếm con. Ở cuối Trí đạo: liều lĩnh, thủ đoạn.
- Nhiều (\*) bao quanh Trí đạo: thông minh, có người lại đăng trí.
- Lăn chỉ như ngôi sao: nữ: hiếm con, phòng có tai biến khi sanh.
- Vạch ngang ở gần nguồn Trí đạo: đau đầu.
- Vòng tròn trên Trí đạo: nóng tính, có thể sát nhân.
- Nhánh nhỏ hướng lên: giai đoạn đó lương tri mình bị mờ ám do người khác gây ra.
- Nhánh nhỏ mọc xuống: mộng ảo, không thực hiện được.

*Tính tuổi trên Trí đạo:*

- Tại trục ngón trỏ: thời kỳ 10 tuổi.
- Tại trục ngón giữa: thời kỳ 30 tuổi.
- Tại trục ngón áp út: thời kỳ 50 tuổi.
- Tại trục ngón út: thời kỳ 70 tuổi.

**Tổng hợp 3 đường Sinh đạo, Trí đạo, Tâm đạo:**

- 3 chỉ xuất phát từ một chỗ: tính kỷ khô, muốn gì là làm không ai cản được; có tính hung dữ (nếu bàn tay cứng); tính hiền), có "đức năng thắng số" hậu (nếu bàn tay mềm, đầu ngón cái nhọn).
- 3 chỉ xuất phát rời nhau: làm liều, cao hứng là làm, làm rồi mau chán, tính nghi ngờ và do dự.
- 3 chỉ rõ ràng, các gò đều thấp, gò Thái dương Thái Dương, ngón út no tròn: khá giả từ từ nhờ chí nhẫn nại.
- Tâm đạo và Trí đạo thẳng và song song: rộng thì tốt, sáng suốt, tâm hồn rộng rãi, quá rộng: óc khoáng đạt có khi phóng đảng. Hẹp: thiếu cận, hẹp hòi. Hình tứ giác càng về già càng có đầu óc khoáng đạt.

**ĐƯỜNG ĐỊNH MỆNH**

Phát xuất từ dưới bàn tay chạy lên ngón giữa. Chịu ảnh hưởng gò Thổ tinh. Thực tế 13% không có đường này (không quan trọng): sẽ thành công do tài đức cá nhân. Đường hay chấm tới Trí đạo 30%, vượt khỏi Trí đạo 11%. Phác họa cuộc đời, cũng thể hiện may mắn.

- Dài rõ: đời sống không gây đổ, không tai biến, có quý nhân giúp.
- Rộng, xám nhạt, không rõ ràng: thiếu may mắn.
- Mỏng, không rõ ràng: thiếu cương quyết nên dễ thất bại.
- Bị gãy nhiều đoạn chắp lại nhau: gặp nhiều cơ hội tốt nhưng lao đao mới thành công. Nhiều bất mãn hoài nghi, ngã lòng nhưng thoát được.
- Cong, đứt và được nối lại: truân chuyên, tiền bạc ,địa vị thay đổi. Thành công với nhiều khó nhọc cá nhân.
- Nhiều khoảng gãy: nhiều thất bại, phải đổi nghề. Cho dù yếu tố cứu giải thì cũng là một thất bại trên đường đời.
- Gãy hay bị đứt đoạn ở Trí đạo: liều lĩnh.

- Gãy hay bị đứt đoạn ở Tâm đạo: có dụng chạm trong tình cảm.
- Nếu chỗ đứt có đường chạy ngang rồi đường định mệnh tiếp tục đi lên gò Thái dương: đổi việc làm, thiên sang nghệ thuật.
- *Nói chung đường gãy là một trở ngại trong làm ăn.*
- Rõ và thẳng: thọ dù Sinh đạo có gãy.
- Khởi từ Sinh đạo: thành công từ giá trị cá nhân không nhờ kẻ khác.
- Khởi từ gò Thái âm (thường là lên gò Thổ tinh): có thể nói là đường hạnh phúc, sống theo Định mệnh, thích hạnh phúc do Định mệnh đưa đến. Được người thân, bạn giúp thành công. Nữ: có trực giác. Rất dễ hoạn tài, trúng số. Thành công nhờ du lịch. Đời thăng trầm nhưng vượt qua, nhiều người mến, hôn nhân tốt (nếu dính với Tâm đạo 1 khoảng dài: vợ chồng đồng lòng chung sức).
- Khởi từ gò Thái âm, chảy lên dính với Tâm đạo: gặp hôn nhân giàu, hạnh phúc từ đó lập nghiệp.
- Khởi từ gò Thái âm, đi lên gò Mộc tinh: may mắn lớn trong đời.
- Khởi từ gò Thái âm và Kim tinh (2 nhánh nhập 1): thành công khó nhọc, đa tình và giàu tưởng tượng. Mơ những mối tình xa thực tế.
- Khởi từ cườm tay rõ ràng, không bị cắt (không có (+)), sâu đậm, thẳng lên gò Thổ tinh: đời sung sướng, dễ dàng, được Định mệnh an bài, sẽ thắng bất cứ thế lực nào, không gặp nguy hiểm, bàn tay của vua chúa, thủ tướng. Nếu đường định mệnh vượt lên lóng ngón giữa: xoay sở trước thời cuộc (hoặc cực kỳ vinh quang, hay thất bại thảm hại)
- Khởi từ gò Hỏa tinh: dũng cảm, có sức chịu đựng, có tài dụng binh. Đời sống ba đào nhưng vượt qua không bao giờ ngã, anh hùng, không nản chí nếu xuất phát từ đổng Hỏa tinh (giữa bàn tay): ban sơ bần hàn, sau thành công, đời sống tranh đấu, đôi khi ngã lòng, có ý nghĩa đen tối.
- Khởi từ giữa bàn tay: bần hàn, sơ cực. Tệ hơn nếu bị đứt hay lu mờ, gãy đổ.
- Đoạn phát khởi tốt hơn đoạn cuối: tuổi trẻ sướng, già cực. Nếu khoảng cuối lu mờ hay ngoằn ngoèo: triệu chứng gặp tử nhục khi lớn tuổi, hay bệnh.
- Có nhiều đường nhỏ, lẫn nhỏ (song song) kèm: tốt, thẳng trở ngại.
- Có nhiều đường nhỏ hướng thượng: đời sống tiến triển từ từ tùy theo đường hướng về gò nào.
- Bị cắt đứt bằng nhiều đường khác: 1 lần cắt đứt là 1 lần trở ngại.
- Dứt ở gò Thổ tinh: gặp nhiều may mắn thành công sức mình.
- Dứt ở gò Mộc tinh: nhiều tham vọng, thành công về vật chất, địa vị, nhiều may mắn.
- Dứt ở Trí đạo: đau đầu, có thay đổi địa vị. Tính liêu nên dễ thất bại. Nếu Trí đạo bị cắt đứt và làm đường Định mệnh gãy nhiều đoạn: gặp trở ngại trong việc làm ăn trong khoảng 30 tuổi. Kết cục cũng thành công.
- Dứt ở Tâm đạo: đau tim, có thay đổi tình cảm, ái tình, gia đạo. Nữ: bàn tay lãng mạng, điều đứng vì tình. Về già đi tu.
- Dù phát xuất ở đâu, mà dứt ở gò Thổ tinh bằng 1 đường đẹp: thanh nhàn, hạnh phúc, sức khỏe tốt về già sau khi trải nhiều thử thách trong đời.
- Cuối đường có nhiều đường nhỏ: về già không trật tự, lãng trí, sức khỏe kém, nhục chí hướng.
- Bị nhiều lần nhỏ cắt ngang nơi gò Thổ tinh: nhiều trở ngại, sợ bị tù tội, hoạn nạn, hao tài.
- Bị nhiều lần nhỏ cắt ngang từ gò Thái âm cắt: giàu tưởng tượng, xa rời thực tế, không thiết đến ngày mai.
- Bị nhiều lần nhỏ cắt ngang từ gò Kim Tinh: ưa xa hoa, gạt hái thành công từ sự xa hoa. Nếu có thêm đường đâm dục: sống và thành công trong sa đọa.



- Có hình vuông bao bọc nơi gò Thổ tinh: đợng bảo vệ tránh khỏi tai nạn.
- Dứt ở trên lóng 3 ngón giữa: Định mệnh to tát (tốt cũng như xấu) người xoay thời cuộc. Rất vinh quang cũng như rất là xấu.
- Dứt trên lóng 2 ngón giữa: điều tù tội (dứt trên hay khỏi gò Thổ tinh hay xuất phát ngoài bìa bàn tay là xấu).
- Gặp Trí đạo đối hướng lên gò Mộc tinh: háo danh, thành công lớn, hạnh phúc (nếu vượt gò Mộc tinh, đụng chân ngón trở: quá kiêu căng, có thêm (\*) cuối đường: thành công bất thường.
- Định mệnh không đi xa: không tốt cho tuổi thọ. Khi ấy lấy đường Thái dương thay nó.
- Trong bàn tay nhiều chỉ và Định mệnh không đều: đa tình, đa cảm, kém sức khoẻ (nữ: đời sống ba đào, ham tiền, thành công nhưng cô độc về già).
- Định mệnh đôi (2 đường song song): tương đương 2 Định mệnh: giàu, đông con, có sáng kiến.
- Có hình nhánh nạng trong gò Thổ tinh: rất thịnh vượng.
- Cuối đường có đụng một nhóm đường song song: cuối đời bị đen tối.
- Đường chỉ sâu cắt đường Định mệnh trên gò Thổ tinh: có chương ngại do nỗi buồn nội tâm.
- Đụng đường Thái dương: văn nhân lỗi lạc.
- Chỉ nhỏ xuất phát từ Định mệnh hướng lên cắt Tâm đạo: hình thức khả quan, tình, tiền đều có.
- Có nhiều nhánh hướng lên: mỗi nhánh là 1 nấc thang để tới thành công do tài đức cá nhân. Có thể từ nghèo lên giàu.
- Cù lao trên Định mệnh: hối hận 1 đời sống trái đạo đức; 1 ý tưởng ngoại tình hay 1 sự ngoại tình đã thực hiện. Nữ dù có chồng vẫn có thể sa ngã; có sự đau khổ kín trong lòng.
- (+) trên Định mệnh: tai nạn (nếu trong Sinh đạo có ghi rõ), 1` chương ngại, thay đổi địa vị (tốt hay xấu còn tùy).
- (\*) trên Định mệnh: ách vận, tán tài (dù lu mờ).
- (\*) ở phát nguồn hay cuối đường: xảo, mang tiếng xấu, làm việc không lương thiện.
- Hình tam giác trên Định mệnh: óc khoa học (hầm mỏ)
- Có chấm đỏ: tai nạn.
- Chấm đen: tai nạn, bệnh tật.
- Chấm xanh: bệnh nặng.

*Tuổi trên Định mệnh:*

- *Giao điểm Định mệnh-Trí đạo: 30 tuổi.*
- *Giao điểm Định mệnh-Tâm đạo: 40 tuổi.*
- *Giao điểm ngay chân ngón giữa: 75 tuổi.*
- *Gần cườm tay: 10 tuổi.*

## **ĐƯỜNG THÁI DƯƠNG**

Một hình thức đường Định Mệnh, xác định tiền tài, danh vọng.

- Đi từ cườm tay hay Sinh đạo, hay từ gò Thái âm lên gò Thái dương.
- Thật dài: gặp nhiều may mắn.
- Ngắn (phát xuất từ thân dưới lòng bàn tay và kết thúc sớm): may mắn trong tuổi trẻ bị lãng phí.
- Ngắn và mờ: thích mỹ thuật nhưng không sống bằng nghề này.
- Rộng nhưng không sâu: thành công không được rõ ràng trên đường đời.
- Ngắn ngoằn ngoèo: đổi ý kiến, thiếu cương quyết nên thất bại.

- 45% có đường này, giúp cho sáng chói về mỹ thuật. Biểu lộ thành công danh vọng và tiền tài.
- Nếu không có đường này: khó khăn tạm thời nhưng cần phải coi kỹ xem có yếu tố thành công nào khác hay không.
- Thông thường đứt ở chân ngón áp út, nếu vượt khỏi: rất tốt, thuận lợi.
- Các danh nhân thường có đường này, nó luôn cho thấy may mắn bất ngờ.
- Thiếu đường Thái dương: tranh đấu vất vả, ít thành công dù có những dấu hiệu tốt.
- Đứt trước khi vào gò Thái dương: khổ cực, về già hao tài, kém hạnh phúc gia đình. Tuổi trẻ hoang phí.
- Lu mờ ở cuối đường: nhiều phiền não lúc về già.
- Khởi từ Tâm đạo: thành công khoảng 40-45 tuổi nhờ hôn nhân. Tình tiền đầy đủ.
- Khởi từ Trí đạo: cương quyết vì nghệ thuật văn chương. Thành công khoảng 30-35 tuổi nhờ sự tính toán khéo léo.
- Khởi từ Sinh đạo: tương lai rục rờ. Sẽ thành công về nghệ thuật do thực tài.
- Khởi từ Định mệnh: thuận lợi, nhiều cơ hội để danh tiếng, thậm chí đã chứng minh thành công trong 1 năm nào đó.
- Khởi từ gò Kim tinh ở phía trên (cắt qua Sinh đạo đến gò Thái dương): lúc nhỏ cha mẹ hao tài, phá sản.
- Khởi từ giữa gò Kim tinh: tương lai sáng chói (như V.Hugo chẳng hạn).
- Khởi từ gò Thái âm: thành công phi thường nhờ sức tưởng tượng. Bàn tay thi nhân, nghệ sĩ, thành công vì tình, tiền.
- Khởi từ đồng Hỏa tinh: tiên đoán sự hiếu chiến, gặp nhiều khó khăn nhưng không ngã lòng để đến thành công và danh dự.
- Khởi từ gò Hỏa tinh: can trường, có chiến đấu mới thành công.
- Khởi từ cổ tay hướng lên: có sự nghiệp sáng chói do tài đức cá nhân.
- Khởi từ đường Trực giác: sự tưởng tượng phá sự thành công.
- Nếu có 2 đường Thái dương ngay thẳng và phân biệt: cao thượng, sự nghiệp về mỹ thuật văn chương to tát, có danh tiếng.
- Nếu có 2,3 đường Thái dương nhỏ trên gò Thái dương rõ, ngay thẳng (III): thành công về mỹ thuật, văn nghệ.
- Đường Thái dương đến gò Thái dương chia làm 3 nhánh (“chỉ ba huyền diệu”): nhánh lên gò Thái dương: sáng chói về nghệ thuật; nhánh lên gò Thủy tinh: giàu sang; nhánh lên gò Thổ tinh: thành công theo ý nguyện (nhánh này nếu thiếu thì vẫn còn giá trị của “chỉ ba huyền diệu” này).
- Hướng thẳng về gò Thủy tinh: giàu sang; về gò Thổ tinh: tính đa nghi.
- Hình (U) hay (V) nối gò Thái dương và Thủy tinh: thành công trong hội họa và kỹ thuật, hay kiến trúc.
- Có nhiều lần nhỏ hay đường lớn cắt đường Thái dương: tranh đấu gay go, trở ngại và đổ kỵ. Phải cực nhọc mới thành công. Trên 1 bàn tay có nhiều lần nhỏ cắt ngang đường Thái dương: vẫn thành công trong khó khăn. Trên cả 2 bàn tay: phá sản.
- Có đường từ gò Thủy tinh đến gò Thái dương: nổi danh nhưng nhiều thủ đoạn.
- Đường Thái dương có (\*) hay 1 nhóm chỉ nhỏ hỗn độn: tai nạn, nếu đường Thái dương vượt qua được và tiếp tục kéo dài: thoát nạn và vẫn thành công và may mắn. *Có sách cho rằng đường Thái Dương chấm dứt bằng (\*): thành công chẵn chẵn trên đường đời (J.Ronald)*

- Có cù lao trên đường Thái dương: gian dân, tiền dân hậu thú. Sự hôn nhân này giúp cho thành công. Cũng là dấu hiệu tai biến.
- Tạo hình U trên Tâm đạo, 1 nhánh đến gò Thổ tinh và 1 nhánh đến gò Thái dương: hòa hợp nghệ thuật và khoa học.
- Dứt bằng nạng 2 (Y): tai nạn làm phá sản lúc về chiều.
- Dứt khi gặp Trí đạo, tái sinh bên Tâm đạo: 30-40 tuổi có nạn nhưng vượt qua.
- Biến mất hay có (X) hay gãy đổ: thành công gặp nhiều khó khăn.
- *Chú ý: đường Định mệnh và Thái dương phải bù trừ nhau. Nếu trong 2 bàn tay hay 2 đường này khác nhau thì cần lấy giá trị trung bình.*
- Cách tính tuổi trên đường thái dương giống như tính tuổi trên đường Định mệnh.

### **ĐƯỜNG TRỰC GIÁC**

Còn gọi là đường thủy tinh . Xác định sức khỏe và trực giác con người.

- Khởi từ phía dưới bàn tay hướng về gò Thủy tinh. Cũng gọi là đường sức khỏe.
- Nở có đường này: có Trực giác, duyên dáng, vui vẻ.
- Rỏ, đều: thông minh, có tài tiên tri, nhiều mơ mộng, có sức khỏe, nhớ dai, nói giỏi.
- Khởi từ Sinh đạo: nói giỏi, lời cuốn nhiều tâm hồn.
- Khởi từ gò Hỏa tinh: nóng tính, thô lỗ.
- Khởi từ gò Thái âm: sống trong mộng tưởng nhưng hạnh phúc và thành tựu.
- Khởi từ gò Kim tinh (dĩ nhiên cắt Sinh đạo): có duyên được người khác phái giúp.
- Quanh co, hình lò xo: kỳ dị, hành động cổ quái, không tốt.
- Hình xúc xích: mơ mộng hỗn tạp.
- Có cù lao, (+), (\*): đau gan, trí thông minh giảm sút.

### **ĐƯỜNG HÁO SẮC**

Đi từ dưới gò Thái âm chạy vòng xuống cườm tay: háo sắc, tính dục mạnh, dễ sa ngã. Nhưng nếu tính cương quyết thì có thể tự chủ được. Cũng xác định thêm đặc tính đường Thủy tinh. Ở trong bàn tay trí thức thì đây xác định thêm khả năng làm việc trí óc (theo J. Ranald).

### **VÒNG KIM TINH**

Vòng bán cung phát xuất giữa ngón trỏ và ngón giữa chạy dài đến giữa ngón áp và ngón út. Nhiều bàn tay không có đường này.

- Điều đặn: ảnh hưởng Kim tinh tốt, tốt cho sức khỏe. Làm nảy nở nghệ thuật (nếu là nghệ sĩ). Cũng là dấu hiệu háo sắc, đa tình và nóng tính.
- Thường có ý nghĩa xấu trừ khi nó chảy đến gò Thủy tinh: dục vọng được kèm hãm, siêng năng, thích khoa học.
- Không đều, gãy đổ, đứt đoạn: trục lạc vô độ (nữ: nếu có thêm nhiều vạch dọc ở gò Kim tinh: bất hạnh, dâm).
- Gồm nhiều đoạn chỉ ngắn sâu đậm tạo thành: dâm tính trở thành thú tính. Dễ gây án mạng.
- Có nhiều chỉ nhỏ xâm nhập vòng Kim Tinh: dục tính tăng; Nếu vòng Kim tinh ngắn: u uất vì dồn nén sinh lý..

- Cắt đường Định mệnh: địa vị, danh dự bị tổn thương, trở ngại (nếu cắt đường Thái dương: bị nhân tình, bạn bè... phá hại tài sản).
- Dính với Tâm đạo: gặp tai nạn vì tình dục hạ tiện.
- Đến cuối ngón út (phía bìa bàn tay): dục vọng mãnh liệt, không từ thủ đoạn để thỏa mãn tình ái hay tiền.
- (\*) cuối đường: bị tù hay gây án mạng vì tình.
- (\*) trên đường Kim tinh dưới ngón giữa: bệnh do ái tình gây ra.
- Chạy tràn ra bìa bàn tay: rất dâm, có thể hiếp dâm gây án mạng. Bị mất thành công vì dâm tính.
- Vòng Kim tinh đôi hay 3, không rõ và gãy đổ: dâm, trụy lạc, thích cô đơn.
- Có hình thức giống như Tâm đạo đôi: có thể thay thế Tâm đạo nếu Tâm đạo không có.

### **VÒNG MỘC TINH**

(Theo J. Ranald) Hiếm gặp, thường thấy ở phái nữ nhiều hơn. Là hình thức nối tiếp Tâm đạo thay vì phát nguồn tại gò mộc tinh lại đứt thành một vòng cung và đóng dưới ngón trỏ, phần còn lại xem như là Tâm đạo (?).

Cho thấy cá tính sáng suốt, khả năng thiên lương siêu việt.

### **ĐƯỜNG NGÂN HÀ**

Song song với đường Thủy tinh về gò Thủy tinh. Nói lên sự mơ mộng, xa hoa.

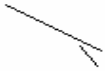
- Tốt: nếu từ rìa bàn tay chảy về gò Thủy tinh (rất hiếm thấy).
- Ở bàn tay họa sĩ: giúp sáng tác theo lý tưởng, mộng tưởng và tình cảm.
- Cho phép chọn ý trung nhân vì bàn tay có đường này thường có nhiều hạnh phúc.

### **ĐƯỜNG HÔN NHÂN**

Phát xuất từ bìa bàn tay, chảy về gò Thủy tinh và đứt nơi đó. Chỉ sự kết hợp với người khác phái tạo nên cơ cấu gia đình trực tiếp hay gián tiếp hơn là kết hôn.

- Nhiều đường: nhiều sự kích thích về tình ái, nhiều mối tình.
- Nam: 1 đường là một lần kết hợp, có thể là mối tình thâm kín hay mối tình lý tưởng.
- Nữ: nhiều đường: dồi dào tình cảm (không phải nhiều chồng), nếu có 2 đường song song: nhiều tình cảm, biết giữ chồng và hạnh phúc gia đình.
- Ngắn và sâu: tình yêu nồng nhiệt mà không bền (có sách ghi: dục tình mãnh liệt).
- Dài: có sự kết hợp trường cửu, nhiều tình dục, đôi khi lãng mạn.
- Rộng và đỏ: kết hợp vô phúc và gây nhiều phiền lụy.
- Mỏng và dài: vợ chồng lạnh nhạt.
- Ngoằn ngoèo (hình lò xo hay mắt xích): bất hạnh trong hôn nhân.
- Chảy về gò Thái Dương: hôn nhân bền chặt dù mọi hoàn cảnh.
- Cong dưới gò Thủy tinh: hưởng gia tài bên đàn bà.
- Chảy xuống Tâm đạo: xáo xáo gia đạo, dễ ly dị (có sách nói: tình yêu tiền kiếp) (cần tham khảo lại).
- Sát với Tâm đạo: chỉ định thời gian lúc còn trẻ khoảng 20-25 tuổi.
- Càng gần ngón út: hôn nhân chậm lại.

- Độc nhất và cong lên trên hay đến chân ngón út: nhiều hạnh phúc và giàu do hôn nhân nhưng chênh lệch tuổi; vợ giàu.
- Nhiều đường li ti: tình ái vụng vãi, thiếu thận trọng, dễ thay đổi.
- Có cù lao: ngoại tình hay loạn luân.
- Có (\*) hay lỗ trũng: góa bụa.
- Có (+) : có tang người yêu, hay người yêu gặp nạn.
- Dứt ở đường Thái dương: hôn nhân bền chặt, hạnh phúc với chồng quyền quý, vợ giàu.
- Đường hôn nhân có 1 đường nhỏ như chẻ tre ở đầu bìa bàn tay: hôn nhân trở ngại, buồn phiền (xem hình)



- Có nạng 2 (Y) ở đầu (nơi bìa bàn tay): hôn nhân tan rã, tan rồi hợp.
- Chấm dứt bằng nạng 2: sinh ly tử biệt, hoặc bất hòa, không có hạnh phúc gia đình.
- Có nhánh rẽ đôi theo hướng Tâm đạo: ly dị.
- Cong về Tâm đạo mà không hướng rẽ: ly dị.
- Chảy về ngón út và không có những đường nào dính dáng đến nó: không có dấu hiệu kết hôn chính thức. Nếu Tâm đạo hình lời tới: chồng ngày vợ bữa.

### **ĐƯỜNG TỬ TỨC**

Là những đường chỉ nhỏ đóng theo chiều vuông góc với đường hôn nhân dưới ngón út. Chỉ số lượng con mà nữ có thể có (nam không có ý nghĩa về những đường này).

- Sâu, rộng: con trai; cạn hẹp: con gái.
- Lu mờ, li ti: con chết hay ẻo uột.
- Nếu có 1,2 đường vượt qua các đường khác, sâu đậm hơn, dài hơn: đứa con có sức khỏe và thông minh trội hơn những đứa con khác.
- Tuyệt tự nếu: gò Kim tinh bằng phẳng, 1 vòng ngón tay quá cao trên lòng bàn tay thay vì ở cườm tay.

### **ĐƯỜNG DU LỊCH**

Chạy từ bìa bàn tay ngang qua gò Thái âm: biểu tượng ý muốn du lịch, sở thích du lịch, óc mơ mộng, chí phiêu lưu. Đường quan trọng thì cuộc du lịch lâu dài. Không tuyệt đối là sự du lịch mà là biểu hiện sự xa rời nơi chôn nhau cắt rốn.

- Đóng thấp ở gò Thái âm, vạch ngang gò này, dài, rõ: du lịch chắc chắn và thành công.
- Lu mờ: có ý du lịch mà không thực hiện được.
- Có nhiều đường: đổi chỗ ở luôn, không định cư ở 1 chỗ.
- Đóng ở lưng chừng gò Thái âm, dứt ở lòng bàn tay: có du lịch theo đoàn.
- Bị những chỉ từ Sinh đạo chạy sang và đụng vào: du lịch bằng đường biển hay sống bằng nghề hàng hải.
- Chảy vào đường Định mệnh: Sống bằng nghề du lịch, dùng du lịch để tạo nghiệp.
- Thời gian xảy ra liên quan với sự cấu kết đường này với Định mạng.

## **ĐƯỜNG ĐỒNG BÓNG**

Đi từ gò Thái âm chảy lên đưng gò Thủy tinh.

- Ngồi ngoè, gút mắc: tâm linh bất thường, đoán khi trúng khi sai.
- Tốt đẹp: đoán đâu trúng đó, nhưng chỉ trong 1 thời gian mà thôi.

Theo J. Randal: đường này là đường Sinh lý.

- Tốt đẹp, rõ ràng, hình vòng cung: trực giác tốt.
- Nếu có cù lao: trực giác vô chùng.
- Nhánh rẽ chảy về gò Mộc tinh: đem tinh thần và hiểu biết áp dụng vào đời sống (tay nhà mỹ thuật, thông thái)
- Bị cắt nhiều đoạn: quá mê tín, tâm thần bị xáo trộn nếu có thêm Trí đạo xấu.

## **ĐƯỜNG ĐẠO ĐỨC**

- Đường li ti dưới chân ngón út: say mùi đạo, từ bi (trùng hợp với đường tử tức ???).
- Đường vắt xéo từ cườm tay lên gò Thái âm (nếu rõ ràng): xuất gia hay cư sĩ.

## **ĐƯỜNG DANH TIẾNG**

Là những đường vạch thẳng lên gò Thái dương (III) và không vượt khỏi gò (nhiều bàn tay không có).

## **ĐƯỜNG SINH LỰC**

Là những đường từ gò Thủy tinh chảy xuống sinh đạo, thường ít thấy hay rất lu mờ: thể hiện sức khoẻ kém. Nếu có dạng đường cong: sức khoẻ và sinh mạng bị đe dọa. Nếu Tâm đạo và Trí đạo yếu: có thể chết nơi điểm gặp nhau của đường này và Sinh đạo.

## **ĐẠI TAM GIÁC**

(SINH ĐẠO + TRÍ ĐẠO + TRỰC GIÁC)

Điều hòa sự quân bình tinh thần và vật chất. Có sức khoẻ, thông minh, dễ thành công.

- Ngược lại: ích kỷ, dễ bị lôi cuốn.
- Nếu không có đường Trực giác: đường Thái dương sẽ thay thế khi đó đại tam giác sẽ hẹp hơn nhưng không kém hiệu lực: thông minh, nghiên cứu nhiều.
- Không đều, không rõ: không có sự quân bình. Gặp nhiều trở ngại (nếu có thêm trong đại tam giác nhiều lần nhỏ dính nhau thành (+) và hàng rào).
- Đại tam giác hẹp :keo kiệt.
- Có (\*) trong đại tam giác: thích khoa học huyền bí.

## **TIỂU TAM GIÁC**

(TRÍ ĐẠO + ĐỊNH MỆNH + TRỰC GIÁC)

- Sự thông minh về mọi mặt. Mau hiểu, ham học hỏi, chỉ sự may mắn, yêu thiên nhiên, thiên về các môn học tự do. May mắn về mọi phương diện.
- Có (+): Diễm hưởng gia tài, được tài sản lớn.
- (Nữ): tiểu tam giác đẹp: bác sĩ, kỹ sư. Lu mờ: nội trợ giỏi.

## **TỨ GIÁC DIỆN** (KHOẢNG GIỮA TÂM ĐẠO VÀ TRÍ ĐẠO)

- Rộng: đại độ, ngay thẳng.
- Thiếu vì Tâm đạo và Trí đạo liên nhau (thường tại 1 điểm gần gò Thổ tinh, dưới ngón giữa): tai nạn, hay rủi ro khó tránh.
- Nếu 2 đường Tâm đạo và Trí đạo song song: tốt.
- Tâm đạo xuống quá thấp: tham, keo kiệt.
- Trí đạo lên quá cao: nhát, nhỏ mọn với vợ con.
- Có 1 (+) trong tứ giác diện: có sự ngưỡng mộ về thần bí (?); nếu không rõ: đêm xấu; gần gò Hỏa tinh, nghiêng qua gò Thái âm: sự viễn du có ích + phát tài to.
- Nhìn tứ giác diện để chọn dâu rể: có đem lại hạnh phúc cho con cháu mình không?

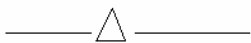
## **CÁC NGẮN TAY** (La rascette)

Ở ngắn cổ tay có nhiều đường bao quanh. Nhiều bàn tay không có hay có 2,3 ngắn. Thông thường 1 ngắn tương đương 30 năm tuổi thọ, không đặc điểm nào tốt bằng. Không có vòng này: lận đận, có thể yếu. Nếu có các ngắn này mà đứt đoạn thì coi như không có. *(nhưng theo J. Ranald thì việc này không chính xác).*

- Rõ: thọ và hạnh phúc, yên vui.
- Đường dây chuyền: nóng, đời sống khó khăn, chiến thắng với nhiều công lao tài trí, tự lực, tự lập, thọ, sức khỏe, giàu và hạnh phúc.
- (+) giữa cườm tay: hưởng gia tài, trúng số, hoạnh tài bất ngờ.
- Nhiều (+): nhiều gia tài và có lợi tức bất ngờ.
- (+) hay (\*) gần cườm tay trên Sinh đạo: giàu sang khi về già.
- Nếu có hình (<) hay (xem hình trang sau): giàu, danh giá về chiều. Nếu có thêm (\*) hay (+) ở hình góc (<+): ít bệnh.



- Vòng tròn, điểm đỏ: triệu chứng bệnh.
- Có 1 ngắn tay: đa dâm.
- 2 Ngắn tay: dễ khó.
- 3 ngắn: sức khỏe, ít bệnh nhưng bệnh thì bệnh nặng.
- Trong ngắn tay có hình tam giác: sẽ gặp may bất ngờ, có gia tài (xem hình)



## **CHƯƠNG 4: CÁC GÒ TRÊN BÀN TAY**

### **GÒ THÁI DƯƠNG**

Biểu hiện khả năng nghệ thuật và sáng suốt, minh mẫn về tinh thần. Cũng thể hiện sự ham muốn (cao thượng hơn gò Mộc tinh), thường là ham muốn danh vọng và quyền thế.

- Cao: học cao nổi danh về tài uyên bác, nổi danh, bậc văn nghệ sĩ. (tương tự khi có đường hướng thượng từ Tâm đạo). Nữ: tài hoa, nhiều biệt tài, dễ thành công trong thương mại, có sáng kiến và



óc tổ chức. (Thường thấy ở bàn tay ửng hồng và mềm; bàn tay cứng và khô khan ít thấy trường hợp này).

- Gò đầy đặn: vui vẻ, rộng rãi giao, đa cảm, trầm tĩnh, giàu nhân phẩm, yêu nghệ thuật dù không khả năng làm nghệ thuật, tư cách sang trọng. Nếu có ngón áp út dài: say mê cờ bạc, ham tiền (nếu khoảng rộng giữa ngón cái và ngón trở lớn: tật xấu gia tăng, nóng nảy hơn). Nếu có trí đạo tốt: có khiếu kinh doanh.
- Đầy đặn với ngón áp út thon dài: say mê nghệ thuật (nhứt là kịch nghệ), lạc quan.
- Lớn: ưa nghệ thuật, thành công và danh tiếng với tài cá nhân
- Nhỏ quá: tìm hạnh phúc kín, không đòi hỏi quá cao.
- Nghiêng qua gò Thổ tinh: có ý muốn sáng chói nhưng nhiều trở ngại và bức bối trong khi sáng tác.
- Nghiêng qua gò Thủy tinh: thông minh khéo léo đưa đến thành công (nữ: ham tiền bất kể danh dự).
- Thiếu gò Thái dương, hay gò thấp: vô phúc, đời tối tăm.
- Có đường hưởng thượng: những đường hạnh phúc. Nếu nhiều đường hỗn tạp: lao tâm, lao lực mà không có kết quả mong muốn.
- Có những vạch ngang: trở ngại, tán tài do người thân gây ra, thất bại ê chề.
- Có nhiều đường quăn queo: chọn nhiều nghề nhưng thất bại.
- Có tam giác: có khả năng khai thác thiên tư sẵn có.
- Lổ trủng dưới chân gò: đau thận hay mắt.
- Có (\*): đạt tốt đỉnh vinh quang.
- (+) ngoài gò Thái dương: danh dự bị đổ vỡ.
- (\*) ngoài gò Thái dương: phòng súng đạn.
- Nhiều chỉ nhỏ hưởng thượng lên gò Thái dương và Thủy tinh: khiếu y học.
- Có hình lưới : kiêu căng, gặp nhiều trở ngại làm tổn thương danh dự.
- Cù lao ở dưới chân gò Thái dương hay trên gò Thái dương (xem hình): thành công do thông dâm.

## GÒ THÁI ÂM

Thể hiện sức tưởng tượng và mơ mộng.

- Màu sắc đỏ hồng: may mắn mọi việc nhờ âm đức. Nếu lòng bàn tay không đỏ hồng: kém may mắn hơn chút ít.
- Tốt, nở nang, lấn phía bìa bàn tay: giàu tưởng tượng, có óc phiêu lưu, khả năng sáng tác, thích đổi chỗ ở, mơ mộng tuyệt vời, thi sĩ, nhạc sĩ, họa sĩ. (nếu có thêm gò Thủy tinh tốt: khả năng sáng tạo cao, có thể đạt danh vọng trên đường nghệ thuật)
- Rộng nở thái quá: mơ mộng trở thành mê tín, bất mãn vô cơ. Nếu thêm mềm nhũn: bất nhất, không chủ định, nhiều tham vọng.
- Điều hòa: yên tĩnh, ru ta vào mộng.
- Trũng: có thể bị lao tù, khổ cực.
- Đường Trực giác thật nảy nở và gò Thái âm cao và có vạch: tài tiên tri và linh cảm.
- Đường hưởng thượng nếu lên cao đến gò Thổ tinh: hộ trì 1 cách màu nhiệm, hay tiên đoán trúng.
- 1 đường thẳng đi lên và dứt ở Tâm đạo: hạnh phúc nhờ đàn bà.
- Những đường chỉ nhỏ từ bìa bàn tay xuyên qua phần dưới gò: những cuộc tình duyên thơ mộng nhưng không thành.



- Nhiều lần ngang: ưa du lịch.
- Nhiều lằn dọc: lý trí kèm hãm trí tưởng tượng, có óc sáng tạo.
- Có (+) hay (\*): phòng thủy nạn (lỡ mờ: bị thủy nạn nhưng không chết), nếu nằm trên đường du lịch: thủy nạn xảy ra trong khi du lịch.
- Có hình (<): phòng chết đuối.
- Có hình lưới: buồn rầu lo lắng, không tốt cho óc tưởng tượng.
- Có hình tam giác: tốt cho Trực giác và khoa học hàng hải.
- Có cù lao: óc tiên tri, thiên tư về du lịch.
- Hình nạng (Y): hôn nhân bất hạnh, không con.

### **GÒ KIM TINH**

- Thật rộng: nhiều tình cảm, nhân ái và khát vọng nhục dục.
- Nổi cao, lòng bàn tay đỏ hồng, trũng sâu và mềm, bàn tay mềm, sắc đỏ ửng, 3 chỉ chính đầy đủ, có nhiều lần nhỏ xung quanh, các ngón hơi vuông, ngón út dài: giàu tình cảm hay xúc động, trầm ngâm, từ tốn chậm rãi, tay trí thức hay nghệ sĩ có tên tuổi. Có thêm 1,2 vòng Kim tinh: ưa hưởng thụ, dễ bị sa ngã, bị đời sống vật chất chi phối.
- Càng nổi cao: càng ham muốn nhục dục. Càng nổi cao ở phần dưới gò: càng dâm dục và cuồng bạo.
- Nổi cao cùng với gò Thái âm: thiên về vật chất.
- Nổi cao vừa phải, 4 gò của 4 ngón kia không nổi cao, bàn tay cứng, 3 đường Sinh đạo, Tâm đạo, Trí đạo rõ ràng không bị chỉ phụ cắt, ngón cái vuông: thật thà chân chất, ưa đàm bạc, chuyên cần, chịu khổ, dễ thích nghi, an phận, không bon chen ganh tỵ, thông minh, có tài ít nhiều; nếu da ngăm đen: uống rượu ít say bậy.
- Nếu đầy đặn vừa phải: đa tình nhưng không đa dâm.
- Nảy nở, đầy đủ: giàu lòng nhân ái, thọ, dồi dào tình ái, nữ: sinh đẻ dễ.
- Hẹp: nhiều hoạn nạn thời niên thiếu, cô đơn, sức khỏe kém.
- Hẹp, mỏng, bàn tay, ngón tay đều nhỏ: sinh đẻ khó.
- Gò trung bình, ít chỉ: trung tín và hào hiệp.
- Thấp, ít chỉ: hư thân, trụy lạc, bất lực sớm trong tình trường.
- Thấp và cứng, lòng bàn tay khô khan: thâm trầm, hiền thực, nhẩn nhục, ít nói, siêng năng, biết lo gia đình, chung thủy (tốt với nữ).
- Có mặt lưới: yêu đương rào rạt; nữ: dễ bị gạt tình. Cần ngón cái lớn mới chế ngự.
- Có nhiều chỉ dọc: đa cảm, đa tình, trung thành với người mình yêu.
- Có đường song song với Sinh đạo: thích vật chất, giàu có.
- Nhiều đường chỉ ngang: ở khu vực trên: thông minh, rộng rãi giao; khu vực giữa: tình cảm nhiều, mơ mộng lãng mạn; khu vực dưới: dâm dăng, phóng túng, tạo nghiệp sớm.
- Có nhiều chỉ ngang, gò cao và cứng: hăng hái, nóng nảy, lóng 1 ngón cái nhỏ: dâm dăng khó chế ngự nữ: nhẹ hơn); nếu trí đạo dài, rõ: biết chế dục, có thể biến thành tình thương nhân loại.
- Có 1 hay 2 đường ngang sâu: ái dục đậm.
- Có đường chỉ chảy từ Sinh đạo đến chân ngón cái: sillon du sentiment (người thuộc Kim tinh chính hiệu).
- Không có chỉ trên gò Kim tinh: lạnh lùng.
- Có (+): ái tình duy nhất, ghen mạnh, hạnh phúc phụ thuộc gò Kim tinh tốt xấu.

- Có tam giác: tình yêu có sự tính toán.
- Có (\*): nạn trong tình ái; dấu sát phu, chịu cô quạnh suốt đời.
- Có (\*) trên vạch ngang: có tang người thân có thể làm chấn động đời mình; nếu (\*) trên đầu gò gần chỗ nguồn Sinh đạo: có gia tài sự nghiệp.
- Có hình vuông: thích độc thân, xuất gia.
- Có hình thang hay lưới hình thang: phòng sụp đổ bởi đàn bà.
- Có chấm: phòng tai nạn.
- Có hình lưới: ái dục, kích thích cao độ.
- Gò bị cắt bởi nhiều chỉ nhỏ: (= - = = ): nếu có thêm Trí đạo ngoằn ngoèo, nữ: thích vật chất, bụi đời.

### **GÒ MỘC TINH**

Xác nhận tính tự phụ, tham lam, tính chỉ huy, biểu hiện quyền thế, có tính tìm tòi và khảo cứu, thuận lợi cho hôn nhân.

- Cao: gặp nhiều may mắn phi thường, giàu hay nổi tiếng. Ưa ăn ngon mặc đẹp, ưa phô trương (nhứt là nữ), có óc thẩm mỹ cho mình và mọi người. Tuổi trẻ được nhiều người vị nể vì tài ba hay phú quý nhờ cơ hội mang đến. Nữ: nếu có thêm thân hình mảnh dẻ, da trắng, mặt đều, tiếng thanh, lòng bàn tay ứng hồng: khá giả, được chồng giàu sang.
- Cao, ngón trở nhọn, các ngón khác vừa phải: tín ngưỡng, thậm chí mê tín. Có thể là văn sĩ giỏi hơn người. Đa sầu đa cảm, ưa làm việc nhẹ nhàng, (nữ) hưởng phước nhờ chồng con.
- Quá cao: kiêu ngạo, khinh đời. Nếu ngón trở dài: thêm tính tự phụ và phách lối, giàu tính ngưỡng (do đó nếu tu hành thì dễ thành công).
- Nghiêng về gò Thổ tinh: buồn bực, thích tôn giáo, nếu lấn hấn gò Thổ tinh: sự thành công dù bất cứ giá nào.
- Cao và ngón trở trội: tự phụ, phách lối, có đức tin, dễ đắc đạo. Nếu ngón trở vuông: ưa quyền hành, giỏi văn chương. Nếu thêm ngón cái dài, đầu ngón vuông: ưa lấn lướt về mọi phương diện.
- Đầy đặn, không cao và ngón trở thon: nhiều kỳ vọng cao xa, có tâm hồn cao thượng.
- No tròn, đều đặn với ngón trở dài, đầu bầu dục: có tài điều binh khiển tướng, có can đảm và nghị lực cũng như kỳ vọng.
- Trùng: không biết ham muốn, lười và tư kỷ, hạng tầm thường, suốt đời làm tay sai kẻ khác.
- Có (\*): cao vọng được đạt thành, thành công được nhiều người biết đến.
- Có (+) hay (+) và (\*) dính liền: tình yêu, hôn nhân hạnh phúc với người có địa vị hơn mình.
- Có (+): tiên đoán sự giàu có và tình yêu hạnh phúc, vợ chồng chung thủy, danh dự được che chở.
- Có tam giác: tài ngoại giao, và nhờ đó hạnh phúc được tăng trưởng.
- Có nhiều chỉ ngang: gặp khó khăn để đến thành công, lo rầu trong gia đạo, có lúc có ý nghĩa đen tối, muốn đi xa, bỏ đời.
- Đường hưởng thượng: tốt, tham vọng đạt thành.
- Hình vuông: giảm sự kiêu căng, có khiếu về các môn học. Hoạch tài bất ngờ dù là ở hoàn cảnh nghèo.
- Chấm hay tàn nhang: địa vị nguy nan, thất vọng.
- Hình lưới: trở ngại trong việc thành công.
- Hình tròn: cuộc đời danh vọng.

- 1 đường từ gò Kim tinh chảy lên gò Mộc tinh và cuối đường (trên gò Mộc tinh) có ngôi sao: hưởng gia tài, giàu sang.

### **GÒ THỦY TINH**

Thể hiện tính hoạt bát, xã giao và biện luận.

- Đầu đận: rộng xã giao, có tài biện luận, biết an phận. Có thêm ngón út đều đặn: gia tăng thêm khả năng trên.
- Cao vừa phải, ngón út tròn trịa nở nang, lóng 1 cao vừa phải ( bằng lóng 2 ngón áp) đầu ngón áp hơi vuôngkiên trì, chịu khổ nguy, bình tĩnh, cân nhắc kỹ trước khi làm. Nếu lóng 3 ngón út to mập, có nhiều lần chỉ thẳng đứng: giàu con dù không giàu của.
- Cao nhiều + ngón út quá cao: xảo trá, trộm cắp, quỷ quyết.
- Lép, ngón út lép và cong queo: cuộc đời không ra gì, dù các gò khác đều tốt.
- Trũng: ngu đần, không có khiếu về thương mại, say mê cờ bạc, ti tiện.
- Nghiêng về gò Thái dương: thông minh, chuyên môn về khoa học kỹ thuật.
- Cao và nghiêng về bìa bàn tay: khéo léo nhưng xảo, bịp, trộm cắp giỏi.
- Nhiều chỉ hướng thượng hay chỉ dọc: có khiếu y học hay trực giác.
- Nhiều chỉ hướng ngang: nghèo, sụp đổ, trở ngại buồn lòng, ưa hưởng về chỗ thanh vắng để tìm sự yên tĩnh.
- (\*) hay (+) gần bìa tay: tham lam, trộm cắp.
- Có hình tam giác: tài ngoại giao.
- Có hình lưỡi: hay nói dối.
- Có 1 cù lao trong gò nhiều thất bại trong nghề nghiệp.
- Điểm đỏ như bột son: gặp may, có thể thoát nhiều nạn dữ (nếu trên lóng tay cũng có). Thông thường dấu hiệu này hiện lên trong một thời gian, ít ai có thường xuyên (quá tốt).

### **GÒ HỎA TINH**

Thể hiện tính hiếu chiến.

- Cứng rắn: nóng, thô lỗ. Nếu bàn tay cứng, đầu ngón tay trơn, da hơi sạm đỏ, mắt có thần sắc lộ ra, trong mắt có gân đỏ ngang dọc: hung tợn (tướng cướp hay quan võ)
- Sâu: keo kiệt, sinh đẻ khó.
- Nở nang và ngón cái ngả ra sau: người phá sản, xài hoang phí và khoe giàu.
- Nảy nở: can đảm, không lùi bước.
- Mềm, lép: buồn nản, muốn tu hành, tâm thần bất ổn định. Có lúc tiêu phí tiền của không hề tiếc.
- Thâm đen khi về già, có lần chỉ ngang dọc như màng nhện: sức khoẻ giảm, có thể chết. Nếu là trẻ sơ sinh: khó nuôi, yếu.
- Có lằn ngang: coi chừng bị sốt rét.
- Có lằn dọc: hiếu thắng cực độ.
- Có chỉ hướng thượng (III): nóng nảy, bất cần.
- Có (\*): coi chừng bị thương vì súng đạn.
- Có hình lưỡi: phòng tai nạn chết người.
- Có hình tam giác: có khiếu võ nghiệp.

## **GÒ ĐỒNG HỎA TINH**

- Giữa gò Kim tinh và gò Mộc tinh (xem thêm [lòng bàn tay](#))
- Trũng: kém sức mạnh.
- Khum ra: sức mạnh hăng say.
- Có vạch nhăn, (+), đường ngang, hay đường chỉ dọc: hay cãi, tranh luận, bút chiến.
- Có hình tam giác: võ nghiệp vinh quang.

*Có sách cho rằng:*

- *Hoả tinh âm: giữa gò Thủy tinh và Thái âm*
- *Hoả tinh dương: giữa gò Kim tinh và gò Mộc tinh.*
- *Gò Hoả tinh dương xác định tính hung hăng trên phương diện vật chất*
- *Gò Hoả tinh âm xác định thêm tính sẵn có của Hoả tinh dương và tính hung hăng về mặt tinh thần.*
- *2 gò đều nảy nở: có thể làm xáo trộn hoàn cảnh và không nao núng trước nghịch cảnh.*
- *Gò Đồng Hoả tinh: giữa 2 gò trên. Làm tăng tính cách 2 gò trên tùy theo nó nảy nở nhiều hay ít. Nếu có đường chạy ngang qua nối 2 gò Hoả tinh âm và dương: tăng thêm tính hung bạo. Nếu ngón cái to và Trí đạo dài và tốt mới có thể kiềm chế tính hung bạo.*

## **GÒ THỔ TINH**

Biểu hiện Định mệnh. Có thể thay đổi nếu có chí cương quyết. Xác định tính cương nghị, khả năng biện luận, tính cẩn thận, năng khiếu về hầm mỏ, nông nghiệp (những lĩnh vực thuộc thổ), và sự rủi may trên đường đời. *Cũng có ý nghĩa ít nhiều ngược với gò Mộc Tinh.*

- Lớn: hay chán nản, bi quan, dễ sa đọa.
- Cao rộng (hiếm): ưa thanh vắng, ham tôn giáo. Có thể đa sầu đa cảm.
- Cao , gò Thái dương cũng cao, ngón giữa có lóng 1 to mập: ưa rượu chè, khó thành công (gò Thái Dương bị gò Thổ tinh chen vào là điềm gở).
- Đầy đặn và ngón giữa mảnh khảnh: có suy nghĩ vu vơ, có khi thành ảo vọng. Nếu ngón giữa trội hơn các ngón khác tự kỷ cá nhân, không thích giao dịch nếu không có lợi lộc. Nếu trường hợp này mà ngón giữa nhọn: bi quan, ương ngạnh, nhưng lại ưa thổ lộ tâm tình.
- Đầy đặn, ngón giữa thon, lòng bàn tay có tâm đạo mờ ảo: nhu nhược, thất vọng, có thể dẫn đến tự tử.
- Đầy đặn, và lóng giữa của ngón giữa đều đặn: tinh khôn, có thực tài.
- Cao hơn các gò khác: thọ , hậu vận tốt dù Sinh đạo đứt (điểm đặc biệt cần lưu ý).
- Cao và lóng chót của ngón giữa to lớn: keo kiệt, gò càng cao tính càng keo kiệt.
- Ngả qua gò Mộc tinh: buồn bực, thất vọng.
- Ngả qua gò Thái dương: đường tiến hóa bị trở ngại.
- Bằng phẳng: bình tĩnh, cuộc đời ít xáo trộn.
- Trũng: hèn hạ, hay bị chỉ trích.
- Có vạch ngang gò: nội tâm u buồn, chán nản, nạn đồn dập, có thể tù tội, đau khổ, có thể tự sát.
- Đường hưởng thưởng: có cố gắng đạt kết quả tốt, có khiếu khoa học.

- Có vòng Thổ tinh (nhỏ hơn và khác vòng Kim tinh) sát ngón giữa: ưa độc thân, ưa trầm tư, ưa nơi vắng vẻ.
- Có hình vuông: bảo vệ, che chở khỏi tai nạn.
- Có hình tam giác: ưa khoa học huyền bí.
- Có (+) (croix des sorciers): ưa khoa học huyền bí, có linh ứng, nhạy nói, suốt đời ưu tư, có lòng tu hành, có tài nhưng trong đời ít nhất 1 lần vào tù ra khám.
- Có (\*): có danh tiếng nhưng mờ ám. Hay đau yếu. Coi chừng bị hãm hại (ám sát). Nữ, lòng bàn tay khô khan và trệt lết: hiếm con, sinh đẻ khó.
- Có nhiều lần chỉ hợp lại thành hình giống ngôi sao: gian nguy, có thể bị tù nếu làm chính trị.
- Có chỉ đứng nhỏ ly ty cắt ngang dọc bấy bá, lòng bàn tay đen sạm: phòng hậu vận xấu, nên tu tâm dưỡng tánh.
- Có chấm: tai nạn.

## **CHƯƠNG 5: CÁC TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT ĐỂ ĐOÁN**

### **DẤU HIỆU NGOẠI TÌNH & THÔNG GIAN**

Khi có một trong các dấu hiệu sau:

- Đường phát xuất từ Sinh đạo có cù lao.
- Sinh đạo quanh co, ngoằn ngoèo.
- Cù lao trên đường xuất phát từ gò Kim tinh băng ngang Sinh đạo: u buồn.
- Tâm đạo hỗn tạp, xúc xích: tình ái lằng nhằng, hay thay đổi, nhẹ dạ.
- Đường Định mệnh hay đường Thái dương có cù lao.
- Nhiều đường Hôn nhân trên tay bạn trai. Bao nhiêu đường bấy nhiêu tình ái.
- Đường Hôn nhân xúc xích hay có cù lao: hôn nhân với người trong gia tộc.

### **LỰA CHỒNG**

Người chồng phải có:

- Ngón cái lớn.
- Đường Hôn phối độc nhất.
- Không có dấu ngoại tình trên bàn tay.
- Bàn tay trơn dày (thành công), ngón tay dài và trơn láng (nhấn nại & đúng đắn).

### **NGƯỜI KHÔNG TRUNG TÍN**

- |                          |                              |
|--------------------------|------------------------------|
| - Bàn tay nhiều chỉ.     | - Gò Kim tinh to và thấp.    |
| - Vòng Kim tinh rõ ràng. | - Ngón trở nhọn.             |
| - Tâm đạo quá dài.       | - Đường Định mệnh có cù lao. |

### **ĐÀN BÀ GHEN VÀ NGOẠI TÌNH**

- Chỉ sâu đậm, ngón cái hình quả bi.
- 1 đường từ gò Kim tinh, có cù lao chạy qua đụn Trí đạo: mất người yêu và có tái giá.
- Một đường nửa đi từ Sinh đạo băng qua đồng Hỏa tinh, đến gò Thủy tinh: 30 tuổi sẽ ngoại tình, nhưng vẫn yêu người tình cũ.

- Cù lao trên đường Định mệnh.

### **TAY ĐÀN BÀ GẠT GÃM ĐÀN ÔNG.**

- Trí đạo có nhánh nặng (Y): nói láo hay và tháo vát cũng hay.
- Gò Kim tinh cao rộng.
- Đường Định mệnh có cù lao và có 2 nhánh: 1 hướng lên gò Thái dương, 1 hướng lên gò Thủy tinh.

### **DẤU HIỆU LY HÔN.**

- Đường từ gò Kim tinh băng ngang Sinh đạo, đến đưng Trí đạo thành dấu thập tự.
- Đường Sinh đạo có dấu hiệu như tam giác ở khoảng giữa tạo bởi: Sinh đạo + 1 nhánh hướng thượng xuất phát từ Sinh đạo + 1 lằn ngang cắt 2 đường trên. (tam giác thường nằm phía phải Sinh đạo nếu ở tay trái).

### **BÀN TAY NÓNG TÍNH**

- Bàn tay khô khan, nhiều nếp nhăn.
- Chỉ tay sâu đậm.
- Trí đạo dài và thẳng.
- Tâm đạo xúc xích.

### **BÀN TAY ĐỒNG CỐT**

- 1 chỉ từ gò thái âm đến gò Thủy tinh thật rõ.
- Trí đạo chạy xuống gò thái âm. Cuối đường lại có (\*): dấu hiệu có thể điên loạn.
- Gò thái âm có những vạch ngang (mộng tưởng cuồng nhiệt) lại thêm có vòng kim tinh.

### **CÓ CƠ HỘI XUẤT NGOẠI KHÔNG ?**

- Gò Thái âm thật nở nang.
- Gò Hỏa tinh cứng.
- Nhiều đường du lịch vạch ngang gò Thái âm.
- Trí đạo cứng chắc, chảy xuống gò Thái âm.
- Hình tam giác trên gò Thái âm.

### **CÓ PHÁT TÀI TO, hay TRÚNG SỐ KHÔNG ?**

- Gò Mộc tinh đẹp.
- Gò Thủy tinh nở nang.
- Gò Thái Âm hơi vung, có nhiều đường hướng thượng.
- Đường Trực giác đẹp.
- Có cả 2 đường Định mệnh và Thái dương: dung hòa giữa định mệnh và may mắn.
- Có đường Gia tài từ gò Kim tinh chạy lên gò Mộc tinh và cuối đường có Thập tự.
- Một (\*) phần trên gò Kim tinh gần Sinh đạo.
- Hình vuông trên gò Mộc tinh.
- Hình nấc thang ( )=( ) hay hình chữ điền .
- Đường Hôn nhân cong về phía trên (có gia tài nhờ đàn bà).
- Vòng tròn trên gò Thái dương: giàu có sang trọng.

- Hình tam giác trên gò Thái dương.
  - Ngón áp dài hơn ngón trỏ (tâm hồn nghệ sĩ, thành công).
  - Gò Thái dương có ngôi sao: con cưng của Thần tài, danh vọng và giàu sang.
  - Đường Định mệnh từ gò Thái âm chạy lên ngón giữa: thành công bất ngờ và to tát.
  - Đường công lao đẹp (ligne de mérite) chạy từ Sinh đạo lên gò Thái dương, Mộc tinh và Thổ tinh.
  - (\*) cuối Sinh đạo: bảo đảm đời sống lúc về già (?) (có sách ghi: chết khủng khiếp).
  - Hình nhánh nạng nhỏ hướng thượng phát xuất từ khoả giữa gò Kim tinh và Thái âm: tăng địa vị xã hội và tài sản.
  - Cuối Trí đạo có tam giác: có sự hộ trì của quý nhân cao sang.
- Chỉ có vài dấu hiệu cũng đủ làm ta hài lòng.*

**Cổ Minh Tâm.**

*(Hiệu chỉnh ngày 10-12-2002 lúc 11h30 tại nhà riêng.)*

**BÀI ĐỌC THAM KHẢO THÊM (trích từ tạp chí):**

**LES LIGNES DE LA MAIN**

**La main droite ou la main gauche?**

Pour un droitier, son destin est écrit dans la main gauche; sa vie s'inscrit dans la main droite. Pour un gaucher, c'est l'inverse.

**Mode d'emploi**

Si cela est possible, réunissez-vous à plusieurs et commencez par comparer vos mains: forme et longueur des doigts, "monts" développés ou non, tracés des lignes dans la paume. Ensuite, vous interpréterez.

**Les doigts**

**- le pouce**

D'une longueur normale: énergie, volonté, persévérante.

Pouce plutôt long: exubérance, intolérance, impatience.

Pouce plutôt court: indecision, paresse, hypersensibilité.

Pouce très écarté des autres doigts: générosité, largeur d'esprit.

Pouce peu écarté des autres doigts: avarice, mesquinerie.

**- L'index:**

D'une longueur normale: esprit de décision, de commandement.

Index plutôt long: autoritarisme et ambition excessive.

Index plutôt court: manque d'ambition, caractère influencable.

Index pointu: versatilité, indépendance.

Index carré: attachement aux conventions, réalisme.

Index rond: ambition plus spirituelle que matérielle.

Index spatulé: voie professionnelle originale.

**- Le majeur:**

Majeur d'une longueur normale: courage, constance, sincérité.

Majeur plutôt long: capacité à surmonter les épreuves de la vie.

Majeur plutôt court: caractère timoré ou imprévisible.



Majeur pointu: spontanéité, générosité ou frivolité.

Majeur carré: caractère laborieux ou mélancolique.

Majeur rond: vie spirituelle intense, besoin de s'échapper du quotidien.

Majeur spatulé: pensées profondes, grande réflexion.

**- L'annulaire:**

D'une longueur normale: esprit constructif, facultés d'évaluation.

Annulaire plutôt long: gout du risque, de l'aventure, originalité, dispositions artistiques.

Annulaire plutôt court: difficultés à créer mais esprit pratique développé.

Annulaire pointu: intuition, mysticisme, imagination.

Annulaire carré: sincérité, franchise.

Annulaire rond: paresse, gout excessif du plaisir.

Annulaire spatulé: grande originalité artistique, gout de la nouveauté.

**- L'auriculaire:**

D'une longueur normale: intelligence, diplomatie, éloquence.

D'une longueur plutôt long: caractère réfléchi, studieux, honnête (?)

D'une longueur plutôt court: jugement critique, rapidité d'action.

Auriculaire pointu: tact, diplomatie, intuition, dons occultes.

Auriculaire carré: raison, logique, esprit pratique.

Auriculaire rond: facilité d'adaptation aux situation nouvelles.

Auriculaire spatulé: faculté de persuader les autres.

	<b>L.NORM</b>	<b>LONG</b>	<b>COURT</b>	<b>POINTU</b>	<b>CARRÉ</b>	<b>ROND</b>	<b>SPATULÉ</b>
<b>POUCE</b>	énergie, volonté, persévérante	exubérance, intolérance, impatience	Indecision, paresse, hypersensibilité.				
<b>INDEX</b>	esprit de décision, de commandement.	autoritarisme et ambition excessive.	manque d'ambition, caractère influencable	versatilité, indépendance	attachement aux conventions, réalisme.	ambition plus soignée que matérielle.	voie professionnelle originale.
<b>MAJEUR</b>	courage, constance, sincérité.	capacité à surmonter les épreuves de la vie.	caractère timoré ou imprévisible.	spontanéité, générosité ou frivolité.	caractère laborieux ou mélancolique.	vie spirituelle intense, besoin de s'échapper du quotidien.	pensées profondes, grande réflexion.
<b>ANNU-LAIRE</b>	esprit constructif, facultés d'évaluation.	gout du risque, de l'aventure, originalité, dispositions artistiques.	difficultés à créer mais esprit pratique développé	intuition, mysticisme, imagination.	sincérité, franchise.	paresse, gout excessif du plaisir.	grande originalité artistique, gout de la nouveauté.
<b>AURI-CULAIRE</b>	intelligence, diplomatie, éloquence.	caractère réfléchi, studieux, honnête	jugement critique, rapidité d'action.	tact, diplomatie, intuition, dons occultes	raison, logique, esprit pratique.	facilité d'adaptation aux situation nouvelles.	faculté de persuader les autres.

### Les monts:

	Plutôt plat	Légèrement bombé	Franchement bombé
<b>Vénus</b>	Individu au tempérament a priori assez froid, distant.	Personne chaleureuse, aimante, qui attache une grande importance à sa vie sentimentale.	Gout excessif du plaisir sexuel.
<b>Jupiter</b>	Inquiétude, manque d'ambition.	Sens de la justice, générosité, considération pour autrui, Présage de réussite.	Arrogance, ambition démesurée.
<b>Saturne</b>	Caractère qui se laisse porter par les événements.	Personne capable de se fixer une voie et de la suivre, douée pour un travail constant et précis.	Tempérament plutôt solitaire.
<b>Soleil</b>	L'individu tient le luxe pour une futilité.	Grand intérêt pour la musique, les arts et l'esthétisme.	Extraversion, gout du clinquant, amour excessif des plaisirs.
<b>Mercure</b>	Manque de confiance, d'ambition ou d'intérêt pour le travail.	Aptitude à la communication.	Sens aigu des affaires.
<b>Lune</b>	L'esprit pratique prend le pas sur les émotions.	Esprit imaginaire, romantique, intuitif, gout de la poésie, la littérature.	L'imagination prend le pas sur la raison, clivoyance.

### La lignes de vie:

Sur la ligne de vie, une échelle des âges est indiquée. Cette échelle est une moyenne, une simple indication. En effet, la longueur de la ligne de vie n'a pas obligatoirement de rapport avec la longueur probable de la vie.. Elle indique la robustesse physique et la vitalité de la personne. Plus la ligne de vie est longue, mince, régulière et profonde creusée, plus l'existence sera sereine. Les cassures que l'on peut observer sur cette lignes sont considérées comme des changements radicaux dans le style de vie ou dans la carrière de la personne.

N'oubliez pas de comparer les deux mains pour connaître, d'une part le destin de la personne (écrit à sa naissance) et, d'autre part, ce qu'elle sera capable d'en faire.

Par exemple, pour un droitier, une lignes de vie courte dans la main gauche et plus longue dans la main droite indique que cette personne, par ses habitudes de vie, augmente ses chances d'être en bonne santé longtemps.

#### Les irrégularités sur la lignes de vie:

Lignes s'élargissant: période troublée, agressivité.

Lignes se rétrécissant: fragilité, tendance au pessimisme.

Grille: obstacle, contradiction.

Point sur la ligne: période d'indécision, de réflexion.

Une ligne croise la ligne de vie: changement important, inattendu.

Rameaux: raide, chance, gain d'argent, honneurs.

Ile: période d'instabilité.

Chevauchement de ligne brisées: changement de style de vie, nouvelles opportunités.

Rond: barrage, tourment, manque.

Lignes doublées: protection sur la longueur de la ligne.

Rupture, coupure: transformation radicale.

Chaine: réactions incontrôlées, instabilité.

Lignes interrompue dans un rectangle: déception amoureuse.

Ile suivie d'une petite interruption: dépression.

### **La ligne de coeur: (vie sentimentale)**

Elle se lit en association avec la ligne de tête de façon que l'équilibre entre les émotions et l'intellect soit apparent.

- ◆ Si la ligne de coeur part du mont Jupiter: romantique, vulnérable et très idéaliste en amour; tendance à idolâtrer son partenaire, à gommer ses défauts. Attention aux illusions!
- ◆ Si la ligne de coeur part entre le mont de Jupiter et le mont de Saturne: l'attitude envers amour est équilibrée; l'individu possède des émotions fortes mais garde toujours les pieds sur la terre.
- ◆ Si la ligne de coeur part du mont de Saturne: les passions physiques ont une importance exagérée. Un certain mépris pour le sexe opposé.
- ◆ Si la ligne de coeur débute par une fourche: aptitude à vivre un amour profond et sincère.
- ◆ Si la ligne de coeur part de la ligne de tête ou de la ligne de vie: personnalité froide, dénuée d'émotions.
- ◆ Plus la ligne de coeur est droite, plus les émotions sont contenues.
- ◆ Plus la ligne de coeur est courbe, plus le besoin d'aimer et d'être aimé est fort.
- ◆ Plus la ligne de coeur est formée de chaînes, d'îles, et de hachures, plus la personne désire partager ses sentiments, plus d'appétit sexuel est grand.
- ◆ Plus la ligne de coeur est fine et nette, plus le besoin sexuel est limité.
- ◆ Plus la ligne de coeur est profonde, plus le caractère est passionné.
- ◆ Plus la ligne de coeur est pâle et large, plus la personne connaît des difficultés à exprimer ses sentiments.
- ◆ Plus la ligne de coeur est rapprochée des doigts, plus la vie émotionnelle est contrôlée par l'esprit.
- ◆ Rameaux sur la ligne de coeur allant vers les doigts: liaisons, aventures sentimentales.
- ◆ Ruptures sur la ligne de coeur: ruptures sentimentales.
- ◆ Petites lignes sur le tranchant de la main, entre la ligne de coeur et l'auriculaire: nombre d'enfant probable.

### **La ligne de tête (vie intellectuelle)**

- ◆ Ligne de tête bien nette, bien dessinée: bonne adaptation à l'existence, sang-froid, constance.
- ◆ Ligne de tête faible, peu dessinée: signe d'indécision ou esprit tortueux.
- ◆ Ligne de tête en forme de chaîne: manque de concentration, maux de tête fréquents.
- ◆ Ligne de tête doublée: chance au jeu, héritage.
- ◆ Si le début de la ligne de tête coïncide avec le début de la ligne de vie: la vitalité est en rapport étroit avec le psychisme. Cette personne peut mélanger considérations pratiques et émotions, vie sentimentale et vie professionnelle.
- ◆ Si la ligne de tête part du mont de Jupiter: signe que la personne est ambitieuse, énergique. Présage de chance.

- ◆ Si la ligne de tête part bien droite puis décrit une courbe vers le bas: esprit bien équilibré, diplomate, combinant sens pratique et intuition.
- ◆ Si la ligne de tête est plutôt droite: personne économe, d'une moralité stricte, intègre.
- ◆ Si la ligne de tête est plutôt courbe: riche imagination qui peut entraîner la dépression si elle n'est pas contrôlée.
- ◆ Si la ligne de tête est plutôt courte (mais bien tracée): personne occupée par les affaires et question d'argent.
- ◆ Si la ligne de tête se termine en fourche: possibilités intellectuelles renforcées, talents littéraires.
- ◆ Si la ligne de tête se termine en tranchant de la main: aptitudes pour les sciences exactes, amour de l'argent, voire avarice.
- ◆ Si la ligne de tête se termine sur le mont de Mercure: bon pour les affaires, peu de scrupules.
- ◆ Si la ligne de tête se termine au milieu de la main: caractère léger, voire infidèle.

### **La ligne de destinée (l'ambition)**

Cette ligne (qui n'existe pas bien tracée dans toutes les mains) prend naissance théoriquement au bracelet et s'oriente vers le mont de Saturne.

Ligne bien tracée, longue et droite: vie brillante, destin exceptionnel.

- ◆ Si la ligne de destinée prend naissance sur la ligne de vie: période très propice à l'âge déterminé par le point de départ.
- ◆ Si elle prend naissance sur le mont de la lune: intervention de personnes du sexe opposé apportant bonheur matériel. Réussite avec le public.
- ◆ Si elle se termine sur le mont Jupiter: grand succès, très tôt dans la vie.
- ◆ Si elle se termine sur le mont de Soleil: réussite par les talents artistiques (théâtre, cinéma, danse, peinture...)
- ◆ Si elle se termine sur le mont de Mercure: réussite dans une carrière consacrée à la communication, aux médias.
- ◆ Rameau orienté vers l'index: accession au pouvoir.
- ◆ Rameau orienté vers l'annulaire: réussite intellectuelle.
- ◆ Rameau orienté vers l'auriculaire: réussite industrielle ou scientifique.
- ◆ Rupture sur la ligne: changements d'orientation de carrière.